

Ý kiến: Cải cách toàn diện để phát triển đất nước

Các tác giả:

Hồ Tú Bảo, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Hữu Dũng, Giáp Văn Dương, Nguyễn Ngọc Giao, Ngô Vĩnh Long, Vĩnh Sính, Nguyễn Minh Thọ, Trần Văn Thọ, Cao Huy Thuần, Nguyễn Văn Tuấn, Hà Dương Tường, Vũ Quang Việt, Phạm Xuân Yêm

Nội dung

Tóm tắt

1. Mở đầu
2. Việt Nam nhìn từ thế giới bên ngoài
3. Việt Nam hiện nay: thực trạng và nguyên nhân
4. Cải cách vì một nước Việt Nam giàu mạnh và tự chủ
5. Kết luận

Tóm tắt:

Việt Nam chúng ta đang đứng trước một khúc ngoặt lịch sử. Theo dõi những diễn tiến của xã hội Việt Nam, đặc biệt trong những năm gần đây, chúng tôi thật sự lo âu về tương lai của đất nước. Bản ý kiến này không nêu lại những thành tựu Việt Nam đã đạt được, mà tập trung vào vấn đề nội lực Việt Nam đang suy yếu: Kinh tế bấp bênh, giáo dục và y tế xuống cấp, khoa học và công nghệ non yếu, đạo đức xã hội suy thoái, tham nhũng tràn lan, bộ máy nhà nước nhiều bất cập. Trong lúc đó, kinh tế ngày càng lệ thuộc vào Trung Quốc và đe dọa về an ninh từ nước láng giềng phương Bắc ngày càng rõ nét.

Năm 2008 lần đầu tiên thu nhập đầu người của Việt Nam vượt qua ngưỡng 1.000 USD, thoát ra được vị trí của nước thu nhập thấp. Nhưng ta đã mất gần 35 năm kể từ khi đất nước thống nhất, nếu kể từ khi đổi mới cũng gần một thế hệ mới đạt được thành quả còn khiêm tốn này. Trong cùng thời gian đó, nhiều nước ở châu Á đã đạt thành quả được cả thế giới ngưỡng mộ. So với các nước trong vùng và trên thế giới có cùng điều kiện phát triển trước đây, nước ta hiện nay vẫn còn ở vị trí rất thấp trong hầu hết mọi lĩnh vực, từ kinh tế, giáo dục đến khoa học. Mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra vẫn còn rất xa. Hiện nay chưa có dấu hiệu cho thấy Việt Nam có thể đạt mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại vào năm 2020.

Khi phân tích vấn đề, chúng tôi thấy có hai nguyên nhân sâu xa, liên quan đến thể chế nói chung, và cơ chế tuyển chọn người lãnh đạo và quản lý nhà nước nói riêng.

Thứ nhất, thể chế còn thiếu dân chủ. Có thể nói rằng thể chế hiện nay là di sản của thời chiến tranh, bao cấp và chủ nghĩa xã hội kiểu Lenin-Stalin, với đặc điểm cơ bản là hạn chế dân chủ, hạn chế tự do tư tưởng, thiếu tinh thần thượng tôn pháp luật. Hệ quả là xã hội suy giảm tính năng động và hiệu quả, hạn chế sáng tạo trong khoa học và giáo dục, không chống được suy thoái giá trị đạo đức và văn hóa, bất công và cách biệt xã hội tăng lên, và không khuyến khích việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển. Chế độ tiền lương bất hợp lý trong cơ chế “xin cho” đã đẩy nhiều công chức vào con đường tham nhũng, và làm cho nhiều nhà giáo, bác sĩ, nhà khoa học,... không chuyên tâm với nghề nghiệp và không giữ được đức tính cao đẹp vốn có từ xưa. Hoàn toàn đáng lo ngại khi thể chế hiện nay đang hạn chế sức mạnh của đất nước và làm lung lay nền tảng của xã hội.

Thứ hai, là hệ quả của nguyên nhân thứ nhất, trong thành phần lãnh đạo đất nước chưa có nhiều người tài giỏi, bản lĩnh, chịu trách nhiệm cao và quy tụ được bên mình những trí thức và cộng sự chân chính. Từ trung ương đến địa phương, nhiều quan chức thiếu cả năng lực và đạo đức cần thiết. Tình trạng bằng cấp giả và chạy chức chạy quyền đã trở thành vấn nạn nhức nhối. Việc lợi dụng vị trí công quyền để trục lợi cá nhân đang là hiện tượng phổ biến ở nhiều cán bộ nhà nước.

Theo chúng tôi, phải có một cuộc cải cách mang tính cách mạng về thể chế mới giải quyết được hai vấn đề này. Chúng tôi nghĩ rằng trách nhiệm này trước hết thuộc về đảng cầm quyền và trên thực tế hiện nay cũng chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới đảm nhận được vai trò này.

Vì vậy, chúng tôi đề nghị Đảng Cộng sản Việt Nam xem xét thực hiện 8 điểm sau:

1. Kiên quyết xây dựng nhà nước dân chủ pháp quyền.

Không có ai và tổ chức nào đứng trên và đứng ngoài pháp luật. Để thực hiện được điều này, cần triệt để tôn trọng Hiến pháp và đảm bảo sự thực thi Hiến pháp theo tinh thần hiến pháp là trên hết. Đồng thời, cần có cơ chế kiểm soát quyền lực, cần có hệ thống tòa án độc lập để chế tài được các hành vi lạm dụng quyền hành, tham nhũng, làm giàu bất chính và ức hiếp dân chúng.

Triệt để dân chủ hóa, đúng như mục tiêu mà Hiến pháp đề ra. Đảng cần chứng minh bằng hành động thực tế rằng đó không phải là khẩu hiệu mà chính là thao thức thường xuyên của lãnh đạo, của các cơ quan công quyền. Để thực hiện dân chủ trong khuôn khổ pháp lý hiện nay, cần thật sự triển khai và áp dụng nội dung của Hiến pháp. Trước hết, phải thật sự tôn trọng các quyền mà Hiến pháp đã ghi rõ, đặc biệt là quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, và được quyền lập hội, quyền biểu tình trong khuôn khổ pháp luật, và quyền bình đẳng trước pháp luật.

Pháp luật nhằm bảo đảm quyền tự do của người này không xâm phạm đến quyền tự do của người khác chứ không phải nhằm hạn chế hoặc triệt tiêu

tự do. Tất nhiên, tự do cá nhân phải tôn trọng lợi ích tập thể, nhưng không nên vi phạm lợi ích tập thể với mục đích triệt tiêu tự do. Cụm từ “*theo quy định của pháp luật*” phải được hiểu trong tinh thần đó để các quyền được Hiến pháp công nhận có giá trị thực sự chứ không phải chỉ có tính cách lý thuyết. Hiện nay, không thiếu thí dụ luật được viết nhằm hạn chế quyền công dân được ghi trên Hiến pháp. Thí dụ điển hình là luật bầu cử và Quyết định 97. Luật bầu cử hạn chế quyền ứng cử của công dân vì đòi hỏi người tự ứng cử phải được Mặt trận Tổ quốc thông qua. Quyết định 97 của Thủ tướng nhằm hạn chế quyền phản biện chính sách của trí thức. Thật ra, tất cả các quyền của công dân đều đã nằm trong Hiến pháp Việt Nam, chỉ cần triển khai và thật sự áp dụng.

Cần bảo đảm nền móng của dân chủ: đó là tự do ngôn luận. Quyền tự do ngôn luận mà Hiến pháp đã ghi rõ cần đi vào thực chất với việc bảo đảm tính công khai và minh bạch của các hoạt động công quyền và quyền tranh luận của xã hội và công dân đối với những hoạt động đó. Những hạn chế cần thiết của tự do ngôn luận, như các bí mật quốc gia (thuộc phạm vi hình sự) hay bí mật kinh doanh, đời tư của công dân (dân sự), phải được ghi rõ trong các đạo luật (được quốc hội thông qua) chứ không phải là qua các nghị định, quyết định của hành pháp.

2. Tiếp thu các tư tưởng tiến bộ nhằm thực hiện mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

Không nên tự ràng buộc vào một ý thức hệ duy nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh nếu chỉ biết học thuyết Mác-Lênin, không tiếp thu mọi tư tưởng tiến bộ của thế giới thì đã không viết được bản Tuyên ngôn độc lập gói ghém những giá trị phổ quát của nhân loại. Mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” là rất hợp lòng dân. Các hệ tư tưởng là công cụ nhằm giúp đạt mục tiêu trên. Kinh nghiệm trên thế giới cho thấy một xã hội muốn phát triển cần có tự do tư tưởng và tự do ngôn luận do đó cần thoát khỏi sự ràng buộc vào một ý thức hệ duy nhất. Ra khỏi sự ràng buộc vào ý thức hệ đó cũng sẽ cho thấy Việt Nam độc lập với Trung Quốc về mặt tư tưởng và đi trước Trung Quốc về cải cách thể chế.

3. Xây dựng một nhà nước vững mạnh bằng cách minh bạch hóa việc bổ nhiệm các chức vụ cao cấp, thực hiện việc tuyển chọn công chức theo qui trình khách quan dựa trên khả năng, cải cách chế độ tiền lương cho hợp lý.

Nêu cao trách nhiệm cá nhân trong hệ thống công quyền. Tất cả công chức và người lãnh đạo trong hệ thống nhà nước phải chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ của mình, không được ẩn náu dưới danh nghĩa trách nhiệm tập thể. Cơ chế tập trung dân chủ khi đem áp dụng trong việc điều hành chính phủ đã bị nhiều người lợi dụng để bao biện cho thói vô trách nhiệm, ỷ lại, đổ lỗi cho tập thể, cơ hội, bè phái, “cha chung không ai khóc”. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế tách bạch sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước để tránh sự chồng chéo, áp đặt, kém hiệu quả.

Minh bạch hóa trong bổ nhiệm tất cả các chức vụ, kể cả vị trí cao cấp. Tạo cơ chế công khai và dân chủ hóa để có thể tuyển chọn những nhà lãnh đạo tài đức và đáp ứng được đòi hỏi của dân tộc, được dân tin tưởng và được thế giới nể trọng. Không nên tiếp tục cách làm hiện nay là dàn xếp trong nội bộ Đảng rồi đưa ra Quốc hội lấy phiếu tín nhiệm. Những người đủ tài đức nhưng không phải đảng viên cũng cần được xem xét bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng. Chính phủ Hồ Chí Minh sau Cách mạng Tháng tám cũng đã có phương châm này.

Xây dựng bộ máy công chức làm việc có trách nhiệm và hiệu quả, và có cơ chế tuyển chọn khách quan dựa trên tài năng chuyên môn. Hiệu suất của bộ máy công quyền là điều kiện tối cần thiết để kinh tế, giáo dục, văn hóa phát triển nhanh và lành mạnh. Cho nên, việc tuyển chọn công chức phải dựa trên tiêu chí chuyên môn và đạo đức, độc lập với quan điểm chính trị ở nhiều loại công việc.

Cải cách chế độ tiền lương nhằm bảo đảm người công chức có thể sống bằng đồng lương của mình. Công chức phải được bảo đảm sống bằng đồng lương để tập trung vào công việc. Chế độ tiền lương cần hợp lý và phù hợp với khả năng, cống hiến thực của công chức để có thể thu hút được những người có khả năng nhất trong xã hội vào bộ máy công quyền. Đây là một trong những vấn đề cốt lõi cần đặt thành mục tiêu ưu tiên phải thực hiện ngay.

4. Phát triển kinh tế theo hướng bền vững trong đó ưu tiên hàng đầu là tạo công ăn việc làm và nhanh chóng cải cách việc điều hành và quản lý doanh nghiệp quốc doanh trong đó có các tập đoàn kinh tế.

Về việc phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động cần được đặt thành ưu tiên hàng đầu. Để phát triển bền vững và hướng tới toàn dụng lao động cần đẩy mạnh công nghiệp hóa theo hướng ngày càng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và chú trọng phát triển nông thôn.

Đề nghị lập một hội đồng tư vấn chiến lược phát triển để giúp chính phủ vạch ra chiến lược phát triển có trọng điểm, không dàn trải và dẫm chân lên nhau, kết hợp thỏa đáng lợi ích quốc gia và lợi ích vùng nhằm phát triển nền kinh tế có chất lượng. Hội đồng này tập trung những chuyên gia có trình độ, có chức năng xây dựng và giám sát việc thi hành chiến lược phát triển với đủ thẩm quyền và chế độ đãi ngộ thích hợp. Bộ phận này phải được đặt trên tất cả các bộ ngành liên quan tới lĩnh vực kinh tế, đứng đầu là Thủ tướng hoặc Phó thủ tướng thường trực, có những chuyên viên tài năng, có cơ chế tiếp thu ý kiến của giới doanh nhân và trí thức. Bộ phận chuyên trách này sẽ có tiếng nói quan trọng trong việc quyết định các dự án lớn, trong quy hoạch phát triển và xây dựng kết cấu hạ tầng.

Cải cách chế độ sở hữu ruộng đất và tạo cơ hội có việc làm ngoài nông nghiệp là hai trụ cột để nâng cao mức sống của người dân ở nông thôn. Cần có chiến lược về đất đai, qui hoạch rõ rệt các vùng chuyên canh nông nghiệp và vùng có thể phát triển công nghiệp, cải cách để xác định rõ đâu là đất tư hữu và đâu là đất công hữu, tiến tới xóa bỏ hẳn chính sách coi đất đai là sở

hữu toàn dân như hiện nay. Tư hữu hóa sẽ là cơ sở để giải quyết việc tập trung ruộng đất mạnh mẽ hiện nay để thực hiện sản xuất lớn nông nghiệp và phục vụ công nghiệp hóa nông thôn. Mặt khác, như nhiều người đã chỉ ra, đất đai là một nguồn tham nhũng rất lớn, gây hàng ngàn vụ khiếu kiện của dân trong những năm qua, tệ nạn này sẽ được hạn chế rất nhiều nếu người dân trên nguyên tắc được toàn quyền sở hữu (thay vì chỉ có quyền sử dụng) đất đai của mình.

Cần xóa bỏ chế độ hộ khẩu để người dân khi đến đô thị làm việc có thể yên tâm với cuộc sống ở đó và không cần giữ lại quyền sử dụng đất ở nông thôn.

Cần nhanh chóng cải cách việc điều hành và quản lý doanh nghiệp quốc doanh đặc biệt là các tập đoàn kinh tế. Thời gian qua tập đoàn kinh tế đã trở thành nơi hội tụ của các nhóm lợi ích và người có quyền chức, gây ra bất ổn cho nền kinh tế và tình trạng tham nhũng bành trướng. Vì thế, cần đặt các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế, trong khung pháp lý chung của luật pháp; xóa bỏ việc hành pháp trực tiếp lãnh đạo kinh doanh và thay vào đó là Hội đồng quản trị độc lập có nhiệm kỳ, do Quốc hội hay Hội đồng Nhân dân bổ nhiệm, nhằm tránh biến tập đoàn thành một phần của các nhóm lợi ích. Ngoài ra, cần xóa bỏ các ưu đãi đặc biệt (về tín dụng, thuế, bảo lãnh nợ,...) cho doanh nghiệp quốc doanh; và không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh.

5. Ngăn chặn sự xuống cấp của văn hóa và đạo đức xã hội.

Văn hóa và đạo đức xã hội đang xuống cấp nghiêm trọng. Kỷ cương phép nước và nhân phẩm của con người đang bị coi thường. Chưa bao giờ cái xấu, cái giả và cái ác, biểu hiện ở nhiều dạng nhiều mặt, lại xuất hiện nhiều như bây giờ. Các giá trị văn hóa tốt đẹp của nhân loại chưa kịp nuôi dưỡng và bén rễ thì đã bị những cái xấu, cái giả lấn át. Thói háo danh, hình thức phô trương, mê tín dị đoan lại càng được dịp lên ngôi. Vì thế, cần quảng bá, khuyến khích những giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại như tự do, bình đẳng, bác ái, pháp quyền... và khôi phục những tinh hoa văn hóa truyền thống để làm nền tảng cho mọi sinh hoạt của xã hội. Cần nghiêm khắc xử lý cán bộ ở các cấp cao khi có hiện tượng sai phạm đạo đức để làm gương. Đặc biệt quan trọng là việc sử dụng hiệu quả vai trò tích cực của công luận để phê phán và ngăn chặn sự suy thoái của đạo đức và văn hóa.

6. Thực sự làm cho giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Nguồn lực lớn nhất của Việt Nam là con người. Vì thế, chiến lược phát triển cần phải xây dựng theo hướng chủ yếu dựa vào nguồn nhân lực ngày càng có kỹ năng và khả năng làm chủ công nghệ cao. Chiến lược phát triển cũng cần phải vì cuộc sống của đại đa số dân chúng nhiều hơn nữa. Do đó, phải có biện pháp hiệu quả nhằm cụ thể hóa các chính sách về giáo dục, khoa học và công nghệ.

Đồng thời, lãnh đạo phải cho thấy quyết tâm chăm lo sức khỏe của người dân qua các cải cách về y tế.

Cần tránh chính trị hóa học đường. Thay vào đó, cần giáo dục đạo đức, khích lệ tinh thần yêu nước, trách nhiệm công dân, và ý chí phấn đấu của tuổi trẻ. Điều tối quan trọng là cần đảm bảo tự do học thuật, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo.

Do tầm quan trọng và tình hình ngày càng xuống cấp của giáo dục, chúng tôi đề nghị Thủ tướng trực tiếp chịu trách nhiệm về giáo dục, cụ thể là chỉ đạo nội dung cải cách, theo sát việc triển khai các chiến lược, chính sách, và chịu trách nhiệm về kết quả của các cải cách lớn.

7. Thực hiện đoàn kết dân tộc

Chấp nhận và dung hòa với những người bất đồng chính kiến nhưng cùng mục tiêu phát triển đất nước. Đặc biệt trước những diễn biến phức tạp và nguy hiểm ở biển Đông, hòa hợp hòa giải dân tộc cũng có nghĩa là cổ vũ lòng yêu nước của mọi người dân không phân biệt chính kiến, quá khứ. Chúng tôi đặc biệt đề nghị nên có hình thức ghi nhận và biểu dương sự dũng cảm hy sinh của những quân nhân Việt Nam Cộng hòa bảo vệ Hoàng Sa năm 1974.

8. Triển khai một đường lối ngoại giao độc lập, dựa trên một thể chế dân chủ, chú trọng hơn đến quan hệ chiến lược với ASEAN và Hoa Kỳ, trong khi tiếp tục coi trọng quan hệ hữu nghị và bình đẳng với Trung Quốc.

Quan hệ Việt Nam và Trung Quốc cần được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn bình đẳng, nhưng không xem đó là quan hệ đặc biệt, càng không thể coi đó là đồng chí tốt. Việt Nam không thể “hợp tác toàn diện” với một nước lớn và mạnh hơn mình hàng chục lần và có những quan hệ phức tạp về lịch sử và địa chính trị, nhất là đang thể hiện rõ tham vọng và đã có những hành động bành trướng, xâm hại chủ quyền và an ninh quốc gia của Việt Nam.

Về Biển Đông, Quốc hội Việt Nam cần ra một tuyên cáo đặc biệt về Công hàm của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng năm 1958, khẳng định đó không phải là sự thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc ở Hoàng Sa và Trường Sa. Công hàm Phạm Văn Đồng chỉ là thiện chí của Việt Nam ủng hộ Trung Quốc trong việc tranh chấp với Mỹ về an ninh ở vùng biển gần Đài Loan. Tuyên cáo này vừa để làm rõ quan điểm của Việt Nam trước dư luận quốc tế, vừa xóa bỏ những ngờ vực của không ít người Việt Nam ở trong và ngoài nước, góp phần tăng thêm tình đoàn kết dân tộc trước hiểm họa ngoại xâm.

Cần đoàn kết với Philippines, Malaysia và Brunei trong việc chống lại tuyên bố “Đường Lưỡi Bò” của Trung Quốc. Chúng tôi đề nghị Việt Nam đưa ra đề án với ASEAN đặt tên vùng biển Đông nước ta (mà Trung Quốc và nhiều nước gọi là biển Nam Trung Hoa) là **Biển Đông Nam Á**.

Trước bước ngoặt lịch sử của đất nước hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam mang một trách nhiệm nặng nề đối với tiền đồ dân tộc. Chúng tôi mong thấy một cuộc cách mạng mới về thể chế để Việt Nam có thể phát triển thành một nước giàu mạnh và tự chủ.

A. Mở đầu

Việt Nam chúng ta đang đứng ở đâu trên bản đồ kinh tế và trên cục diện chính trị của khu vực và thế giới? Đất nước chúng ta sẽ thụt lùi về nhiều mặt, hay là sẽ phát triển mạnh mẽ, bền vững, đáp ứng khát vọng của dân tộc là mong thấy một nước Việt Nam giàu mạnh, phát triển hài hòa với thiên nhiên và xã hội, chia sẻ được những giá trị phổ quát của thế giới văn minh và giữ vững độc lập về kinh tế, chính trị, văn hóa? Nền tảng xã hội, văn hóa, giáo dục và thể chế của ta hiện nay có tạo đủ những điều kiện cơ bản để đất nước phát triển theo hướng tích cực không?

Theo dõi những diễn tiến của xã hội Việt Nam, đặc biệt trong những năm gần đây, chúng tôi thật sự lo âu khi thử trả lời những câu hỏi nêu trên.

Từ gần 20 năm nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra mục tiêu phát triển đất nước là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là mục tiêu đúng đắn, có giá trị phổ quát và nước nào cũng muốn nhắm tới. Thế nhưng, hiện thực cho thấy Việt Nam không luôn tiến được theo hướng đó, nếu không nói là trên nhiều mặt Việt Nam đã đi ngược lại. Một bộ phận nhỏ giàu một cách bất hợp pháp, sinh hoạt xa hoa trong khi đa số dân chúng hằng ngày phải vật lộn với cơm áo, với chi phí cho giáo dục, y tế trong cơn lạm phát. Tham nhũng ngày càng trầm trọng, len lách vào mọi ngõ ngách của xã hội làm ảnh hưởng đến ý chí phấn đấu, tinh thần hướng thượng của người dân, và ngày càng có nhiều trường hợp công chức làm mất thể diện quốc gia. Bộ máy công quyền ở các cấp nổi lên quá nhiều người thiếu cả tài lẫn đức đến nỗi một lãnh đạo cấp cao của Đảng phải thừa nhận là bây giờ có quá nhiều “sâu”. Do tham nhũng, thiếu người tài đức gánh vác việc nước nên bộ máy nhà nước có nhiều bất cập. Tiếng nói của trí thức, của các nhà báo chân chính ngày càng mất hiệu quả. Đạo đức xã hội xuống cấp trầm trọng, bắt đầu lan tràn vào cả trong học đường, trong viện nghiên cứu khoa học, là những nơi lẽ ra phải đi đầu về đạo đức.

Năm 1996 Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra mục tiêu công nghiệp hóa – hiện đại hóa, chủ trương phấn đấu làm cho Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại vào năm 2020. Từ đó đến nay đã 15 năm, đã đi gần 2/3 đoạn đường dự định mà cái đích còn quá xa vời. Việt Nam chưa có được một ngành công nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến và cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường thế giới. Chúng ta chủ yếu vẫn còn xuất khẩu hàng công nghiệp gia công, dùng nhiều lao động giản đơn và tùy thuộc sản phẩm trung gian nhập khẩu. Doanh nghiệp nhà nước nhất là tập đoàn kinh tế được dành mọi ưu đãi về vốn và đất nhưng cho đến nay chẳng những không đóng được vai trò chủ đạo như nhà nước chủ trương mà còn gây ra gánh nặng nợ nần và bất ổn cho toàn nền kinh tế.

Nền kinh tế yếu cùng với bộ máy nhà nước nhiều bất cập đã đưa đến một hậu quả nghiêm trọng là Việt Nam ngày càng lệ thuộc vào Trung Quốc. Về kinh tế thì đã quá rõ: Hàng công nghiệp của Trung Quốc tràn ngập thị trường Việt Nam, nhập siêu từ Trung Quốc cao ở mức dị thường, vừa gây bất ổn kinh tế vĩ mô vừa cản trở khả năng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp của Việt Nam. Doanh nghiệp Trung Quốc chiếm phần lớn các gói thầu xây dựng, mua quyền sử dụng lâu dài rừng và bờ biển Việt Nam, đưa lao động vào Việt Nam dưới nhiều hình thức – kể cả bất hợp pháp – và nhiều nơi hình thành cộng đồng người Hoa mới... Về chính trị và tư tưởng, tuy không rõ ràng và dễ nhận biết như trong kinh tế, nhưng sự phụ thuộc là có. Cũng vì gắn bó với Trung Quốc về ý thức hệ, về thể chế chính trị mà ta không triển khai được đường lối ngoại giao khôn ngoan hiệu quả, không tận dụng được sức mạnh thời đại để làm cho dân giàu nước mạnh. Chẳng những thế, lệ thuộc về kinh tế và ngoại giao sẽ dễ dàng dẫn đến việc mất chủ quyền. Điều này đưa đến một thực tế nghiêm trọng: An ninh quốc gia bị đe dọa!

Từ tháng 5 năm nay (2011), vấn đề biển Đông trở nên nổi cộm. Ảnh hưởng của Trung Quốc đến an ninh của ta đã thấy rõ. Thật ra, chuyện Trung Quốc gây hấn ở Biển Đông lần này không đáng lo bằng sự thâm nhập của họ ngày càng mạnh và sâu vào kinh tế, chính trị và văn hóa của ta. Khi kinh tế ta yếu, bộ máy nhà nước yếu, nền tảng đạo đức xã hội lung lay, Trung Quốc có thể thực hiện được mục tiêu biến Việt Nam thành một nước lệ thuộc toàn diện vào họ.

Chúng tôi, những người có tên trong danh sách dưới đây, vô cùng lo lắng, bức xúc trước nguy cơ Việt Nam bị thụt lùi trong tiến trình phát triển của thế giới mà hậu quả là Việt Nam có thể mất độc lập và tự chủ dưới hình thức này hay hình thức khác. Để tránh nguy cơ này, Đảng Cộng sản Việt Nam, với trọng trách đối với tiền đồ của đất nước, cần cải cách và triệt để đổi mới thể chế, nhằm củng cố và phát huy cao nhất sức mạnh của dân tộc, tận dụng thời cơ quốc tế, để mở ra con đường phát triển mới cho đất nước. Những nhận định về thực trạng và đề nghị cải cách dưới đây là xuất phát từ bức xúc về nguy cơ hiện nay đối với Việt Nam và ước vọng của chúng tôi về một nước Việt Nam thực sự giàu mạnh, văn minh và tự chủ. Chúng tôi tin rằng, đây cũng chính là ước vọng của toàn dân Việt Nam nói chung.

B. Việt Nam nhìn từ thế giới bên ngoài

Nhìn kinh tế thế giới trong nửa thế kỷ gần đây ta thấy nhiều nước, nhất là những nước ở châu Á, đã phát triển nhanh, rút ngắn khoảng cách với các nước đi trước, thậm chí có nước đã tiến lên ngang hàng với các nước tiên tiến. Có mấy khi chúng ta xét xem một cách khách quan, nghiêm túc những yếu tố cơ bản, những đặc trưng chung nhất làm cho các nước ấy thành công? Cho đến nay, Việt Nam có nghiên cứu kinh nghiệm các nước nhưng chủ yếu là những chính sách, chiến lược cụ thể, còn những yếu tố thuộc nền tảng thể chế và xã hội, nền tảng văn hóa, giáo dục..., tức là những tiền đề để cho các chính sách, chiến

lược cụ thể ấy thành công, thì hầu như không được chú trọng nghiên cứu, hoặc có nghiên cứu nhưng không được thực thi, áp dụng.

Ta thử lấy trường hợp Hàn Quốc làm thí dụ: Hàn Quốc vào đầu thập niên 1960 là nước kém phát triển nhưng sau đó vượt qua giai đoạn phát triển ban đầu và thành công trong giai đoạn phát triển bền vững, trở thành nước tiên tiến trong thời gian rất ngắn. Quá trình công nghiệp hóa của nước này bắt đầu từ năm 1961 nhưng chỉ sau một thế hệ, Hàn Quốc đã trở thành một nước công nghiệp phát triển đáng kể trên thế giới và đến năm 1996 được kết nạp vào Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) là tổ chức của các nước tiên tiến. Từ một nước nhận viện trợ nhiều vào các thập niên 1960 và 1970, Hàn Quốc bắt đầu chuyển sang vị trí của nước đi viện trợ từ cuối thập niên 1980. Hiện nay, nhiều công ty của Hàn Quốc trong các ngành công nghệ cao như điện tử, xe hơi đã vươn lên hàng đầu thế giới.

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu về sự thành công của Hàn Quốc ta có thể nêu lên mấy nguyên nhân chính. Thứ nhất là tố chất của người lãnh đạo. Đó là những nhà chính trị mà tinh thần yêu nước vượt qua những niềm tin ý thức hệ, luôn trăn trở về con đường đưa đất nước đuổi kịp các nước tiên tiến. Họ cũng là những người thức thời, biết học hỏi ở đâu, tham khảo thể chế, cơ chế nào và du nhập công nghệ gì để phát triển nhanh. Và họ cũng biết rằng để xây dựng chiến lược phát triển trên cơ sở hiểu rõ nội lực và ngoại lực không thể không dựa vào người tài thật sự. Bởi vậy, chung quanh lãnh đạo toàn người tài giỏi, nhất là nhiều người đã du học và làm việc ở các nước tiên tiến. Thứ hai, với ý thức rằng bộ máy hành chính mạnh, hiệu suất cao mới vạch ra được các chính sách cụ thể và thực thi có hiệu quả các chính sách ấy, Hàn Quốc từ rất sớm đã có cơ chế thi tuyển công chức nghiêm ngặt để có được đội ngũ quan chức tài giỏi, mang trong mình sứ mệnh lo việc nước. Thứ ba, trong quá trình phát triển, Hàn Quốc xây dựng được quan hệ lành mạnh, hiệu quả giữa nhà nước và doanh nghiệp. Nhà nước yểm trợ để doanh nghiệp vươn ra thị trường thế giới nhưng có cơ chế để doanh nghiệp không ỷ lại vào nhà nước như buộc doanh nghiệp phải có thành quả xuất khẩu mới tiếp tục được hỗ trợ. Thứ tư, giáo dục, nghiên cứu khoa học và công nghệ được quan tâm hàng đầu. Vào giữa thập niên 1980, nghĩa là chỉ sau khoảng 25 năm từ khi bắt đầu quá trình phát triển, Hàn Quốc đã có những đại học, những viện nghiên cứu đạt chất lượng thuộc đẳng cấp quốc tế.

Những đặc trưng trên hầu như xuyên suốt trong quá trình phát triển, kể cả giai đoạn đầu, dưới thể chế độc tài chính trị (1961-1987). Hàn Quốc không phải không có tham nhũng, nhưng không tràn lan trong xã hội mà chỉ giới hạn ở một vài chính trị gia và một số ít tập đoàn kinh tế. Đặc biệt hầu như không có hiện tượng bòn rút của công, rút ruột công trình xây dựng, càng không dám lạm dụng, lãng phí tiền viện trợ.

Trong 50 năm qua, những nền kinh tế khác tại châu Á phát triển nhanh trong thời gian dài như Đài Loan, Malaysia, Thái Lan cũng đều có những đặc trưng giống Hàn Quốc, tuy nội dung chi tiết có khác và thành quả ít ấn tượng hơn.

Bây giờ nhìn lại trường hợp Việt Nam. Năm 2008, lần đầu tiên thu nhập đầu người của Việt Nam vượt qua ngưỡng 1.000 USD, thoát ra được vị trí của nước thu nhập thấp theo tiêu chuẩn của Ngân hàng thế giới. Nhưng ta đã mất gần 35 năm kể từ khi đất nước thống nhất, nếu kể từ khi *đổi mới* cũng gần một thế hệ mới đạt được thành quả khiêm tốn đó. Mặt khác, cơ chế, chính sách trong thời gian qua, đặc biệt trong 4-5 năm gần đây, đã làm cho kinh tế phát triển chủ yếu dựa vào vốn, hiệu quả đầu tư giảm và kéo theo lạm phát, lãng phí. Chất lượng phát triển cũng giảm nghiêm trọng: môi trường xuống cấp, phân hóa giàu nghèo tăng nhanh. Từ thành quả khiêm tốn và chất lượng phát triển thấp này, liệu từ nay Việt Nam có thể bắt đầu giai đoạn phát triển bền vững và kéo dài trong nhiều thập niên để thực sự có dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh, có vị trí xứng đáng trong khu vực châu Á và trên thế giới?

Cũng theo tiêu chuẩn của Ngân hàng thế giới, tính theo giá năm 2009, thu nhập đầu người 4.000 USD là cái mốc của nước thu nhập trung bình cao và 12.000 USD là mốc vượt lên hàng các nước thu nhập cao. Ở châu Á, Hàn Quốc từ một nước nghèo đã vươn lên hàng các nước thu nhập cao chỉ trong 4 thập niên (thu nhập đầu người năm 2009 là 17.000 USD). Malaysia (7.000 USD) và Thái Lan (4.000 USD) đang nỗ lực tạo điều kiện để trở thành nước tiên tiến, có thu nhập cao trong vòng hai thập niên tới.

Chỉ kể từ thời kỳ sau đổi mới, Việt Nam đã nhận viện trợ gần 20 năm rồi mà chưa thấy lãnh đạo Việt Nam đưa ra kế hoạch tới bao giờ sẽ không còn nhận viện trợ. Ngược lại, ở Hội nghị các nhà tài trợ mới đây, chính phủ còn nhấn mạnh Việt Nam vẫn là nước nghèo, cần thế giới tiếp tục quan tâm, giúp đỡ! Sang Seoul gặp sinh viên ta đang du học ở đây sẽ nghe họ buồn rầu nói về hình ảnh Việt Nam tại Hàn Quốc. Trong khoảng 95.000 người Việt Nam tại đây thì 60.000 là lao động xuất khẩu và 30.000 là phụ nữ sang lấy chồng vì lý do kinh tế. Vậy thì hình ảnh Việt Nam ở đây làm sao tốt được? Trí thức nước ngoài hiện nay khi nói về Việt Nam ít có ai lạc quan về tương lai kinh tế nước ta. Đó là họ mới chỉ thấy tình trạng tham nhũng, trình độ của quan chức mà họ tiếp xúc và những chính sách bất cập mà họ thấy được.

Phân tích trong phần tiếp theo cho thấy thực trạng đáng lo ngại về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học & công nghệ và đối ngoại, cũng như những nguyên nhân chính đã đưa đến trình trạng đó.

C. Việt Nam hiện nay: Thực trạng và nguyên nhân

Phân tích hiện trạng Việt Nam, chúng tôi thấy có quá nhiều vấn đề đang làm cho nền tảng xã hội bị lung lay, đất nước suy yếu. Hầu hết những vấn đề đó bắt nguồn từ thể chế và cơ chế.

1. Về kinh tế

Hiện nay trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam tuy hàng công nghiệp chiếm khoảng 60% nhưng chủ yếu vẫn là những ngành dùng nhiều lao động giản đơn. Thêm vào đó, sản xuất các mặt hàng này phải phụ thuộc vào nguyên liệu và sản

phẩm trung gian nhập khẩu. Các loại máy móc, những sản phẩm có hàm lượng kỹ năng lao động cao chỉ chiếm khoảng 10% tổng xuất khẩu. Xuất khẩu của Việt Nam còn phụ thuộc nhiều vào nông sản, nguyên liệu. Từ năm 2002 nhập siêu của Việt Nam tăng nhanh và gần đây khuynh hướng này càng mạnh hơn. Nhập siêu quá lớn đang gây ra bất ổn vĩ mô.

Trong 5 năm qua, sau khi gia nhập WTO, Việt Nam đã đi theo hướng hầu như mở toang cửa nền kinh tế mà không kèm theo việc thiết lập một hệ thống pháp lý cần thiết nhằm giám sát các mặt trái của nền kinh tế thị trường. Kết quả là Việt Nam đã vô tình xây dựng và củng cố một nền kinh tế tư bản hoang dã phục vụ các nhóm lợi ích (nhất là các tập đoàn kinh tế), phá hoại tài nguyên thiên nhiên, bòn rút của công làm giàu cho cá nhân trong khi lao động chân chính phải khổ sở với đồng lương thấp trước sự leo thang của vật giá.

Từ năm 2006 Việt Nam cho phép lập các tập đoàn kinh tế nhưng không đi kèm quy định giám sát cần thiết cũng như điều kiện buộc phải xác lập hệ thống quản lý doanh nghiệp, minh định rõ trách nhiệm và quyền hạn của lãnh đạo công ty. Điều này đã đưa đến hậu quả nghiêm trọng, trở thành một trong những nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng hiện nay. Sự đổ vỡ của Vinashin cho thấy bản chất của các tập đoàn kinh tế.

Chính sách phân quyền xuống địa phương đã không phát huy được sức sáng tạo và cạnh tranh để phát triển mà ngược lại, mở cửa cho những người có chức có quyền ở địa phương lợi dụng cơ hội đào khoét tài nguyên đất nước để làm giàu cá nhân, kể cả việc giao đất và tài nguyên cho nước ngoài khai thác ở những nơi trọng yếu về an ninh và quốc phòng. Luật Đất đai coi đất đai là sở hữu công, do đó dành cho chính quyền quyền thu hồi đất của bất cứ ai. Luật lại giao quyền này cho Ủy ban Nhân dân ở mọi cấp, xuống tận cấp quận, huyện, với giá do chính Ủy ban Nhân dân quyết định nhằm mục đích “phát triển kinh tế”. Đây chính là lý do nhiều đất đai màu mỡ của nhân dân bị thu hồi để làm khu phát triển công nghiệp, sân golf, hay xây nhà kinh doanh. Do được phân quyền, nhiều địa phương giao đất rừng, hầm mỏ cho công ty Trung Quốc khai thác trong 50 năm, kể cả những vùng nhạy cảm về an ninh mà trung ương không biết. Ngoài ra, tình trạng thu hồi đất có tính cách cưỡng chế đã giải thích tại sao có quá nhiều vụ dân oan liên quan đến đất đai.

Chính sách phân quyền hoàn toàn hợp lý để tạo sự chủ động, sáng tạo cũng như nhằm giải quyết các vấn đề riêng của địa phương, kể cả tạo cạnh tranh giữa địa phương này và địa phương khác. Nhưng thực tế các yếu tố tích cực đó đã không phát huy tác dụng, ngược lại chỉ làm nảy sinh các mặt tiêu cực. Tại sao như vậy? Đó là do năng lực yếu kém và thiếu tinh thần trách nhiệm của nhiều lãnh đạo địa phương như sẽ nói dưới đây.

Quy hoạch phát triển cũng là vấn đề đáng lo ngại của ta. Nhìn chung, cho đến nay quy hoạch nặng tính chất áp đặt, nóng vội, duy ý chí, thiếu thiết kế tổng thể và nhiều khi thiếu tính chuyên nghiệp. Những yếu kém này thể hiện ở nhiều lĩnh vực. Trong phát triển đô thị thì đó là việc quy hoạch vội vã, thiếu khoa học dẫn

đến tình trạng ùn tắc giao thông liên tục và kéo dài, ngập úng do mưa, đào đường, đắp đường, chắn lô cốt ... ở khắp mọi nơi. Trong đầu tư thì đó là tình trạng đầu tư theo phong trào, tràn lan kém hiệu quả như việc đầu tư trong nhiều dự án về kết cấu hạ tầng, về nhiều dự án phát triển công nghiệp và dịch vụ kém hiệu quả. Việc quy hoạch phát triển yếu kém dẫn đến tình trạng khai thác tài nguyên cạn kiệt, ô ạt, chạy theo lợi nhuận trước mắt mà không tính đến hiệu quả lâu dài; không xét đầy đủ đến tất cả các khía cạnh liên quan đến hiệu quả kinh tế, văn hóa, môi trường, v.v. Nhiều cảnh quan thiên nhiên và di tích văn hóa bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đặc biệt môi trường bị ô nhiễm nặng nề. Điển hình của việc này là nhiều dòng sông đã và đang bị các công ty đua nhau “bức tử”. Nguồn nước sinh hoạt, nước trong các ao hồ từ các thành phố lớn đến nông thôn cũng bị ô nhiễm ở rất nhiều nơi. Chính do ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, ở nhiều vùng đã xuất hiện những “làng ung thư”. Điều này giống lên hồi chuông cảnh báo cấp bách và đòi hỏi chính quyền phải có những biện pháp mạnh mẽ hơn nữa trong việc bảo vệ môi trường và chất lượng nguồn nước. Ngoài ra, ô nhiễm không khí cũng ở trạng thái báo động và ô nhiễm ở các làng nghề cũng ở mức nguy hiểm.

Nguyên nhân của tình trạng này là do thiếu nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của quy hoạch, do khả năng hạn chế của chính quyền địa phương, và không loại trừ những toan tính tư lợi hoặc lợi ích cục bộ của những người có trách nhiệm.

Đâu là nguyên nhân dẫn đến tình hình kinh tế như hiện nay? Chúng tôi cho là có ba nguyên nhân sâu xa.

Thứ nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam kiên trì phương châm xây dựng “nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” trong đó chủ trương vai trò chủ đạo của sở hữu nhà nước, của kinh tế nhà nước. Từ khi có phương châm này (1991), do sự thuyết phục của những người có tư tưởng cải cách, nội dung có thay đổi một phần nhưng cái cốt lõi vẫn giữ nguyên mà hiện thân của nó là các tập đoàn kinh tế do nhà nước lập ra. Nhiều tập đoàn kết nối với một số lãnh đạo làm thành những nhóm lợi ích chi phối chính sách kinh tế. Khi có sai phạm các lãnh đạo đó bám theo phương châm nói trên của Đảng để trốn trách nhiệm.

Thứ hai, trong cơ quan nhà nước, trách nhiệm cá nhân không rõ ràng và thiếu động cơ để quan chức, lãnh đạo các bộ phận đấu để bộ mình giải quyết các vấn đề lớn của đất nước. Ngược lại, ta thấy nhiều trường hợp họ chạy theo những hoạt động ngoài công việc mình phụ trách, lãng phí thì giờ và công quỹ. Có bộ trưởng phụ trách kinh tế trong lúc kinh tế khủng hoảng lại dành thời gian hướng dẫn nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ, vốn là việc của giáo sư đại học. Có cục trưởng phụ trách vấn đề giá cả trong lúc lạm phát người dân khốn đốn lại bỏ đi đóng phim! Suốt trong hơn 10 năm qua, ai cũng thấy rõ công nghiệp Việt Nam thiếu sức cạnh tranh, hàng hóa của Trung Quốc ào ạt tràn vào nước ta, doanh nghiệp nhỏ và vừa không phát triển được, v.v. Cũng đã có rất nhiều đề án, chiến lược được trí thức trong và ngoài nước đưa ra, kể cả phân tích của học giả

nước ngoài và các cơ quan quốc tế, nhưng tất cả đều bị xếp lại, không được chuyển thành chính sách để thực hiện.

Thứ ba, một phần liên quan đến vấn đề thứ hai vừa đề cập, trình độ, năng lực, tư cách của rất nhiều quan chức các cấp ở trung ương và địa phương không đạt yêu cầu. Rất tiếc chúng ta chưa chứng kiến những hình tượng lý tưởng của nhà cầm quyền “lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ”, còn người ngược lại thì quá nhiều. Trong cơn bão giá làm dân chúng điêu đứng mà trách nhiệm chính ở những bộ liên quan, nhưng tiền mua xe hơi của quan chức cao cấp được tăng lên và được giải thích đó là chính sách đối phó với giá cả leo thang! Thí dụ tương tự về sự vô cảm, vô trách nhiệm của quan chức thì quá nhiều. Hậu quả tiêu cực của chính sách phân quyền đã nói phần lớn là do trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn và tư chất đạo đức của các chức trách địa phương. Chúng ta nghe nhiều về các hiện tượng tiêu cực ở địa phương hơn là những điển hình tiên tiến, ít thấy những lãnh đạo dẫn thân vì dân giàu nước mạnh ở địa phương mình. Hiện tượng đưa người thân quen vào bộ máy công quyền rồi trang bị thêm bằng cấp đạt được bằng con đường bất minh cũng làm suy yếu bộ máy hành chính ở rất nhiều nơi

2. Về văn hóa

Văn hóa, đạo đức xã hội đang suy thoái trầm trọng. Chưa khi nào tin tức về tệ nạn xã hội lại có mật độ dày đặc như hiện nay. Dường như, cái xấu và cái ác đang hoành hành ngoài xã hội và tràn lên mặt báo mỗi ngày. Kỷ cương, phép nước bị coi thường, tính tự giác tôn trọng pháp luật và các quy ước xã hội và văn hóa rất thấp. Mê tín dị đoan lên ngôi, không chỉ ở tầng lớp đại chúng mà ngay ở cả một số cán bộ cao cấp ở các cơ quan công quyền. Hiện tượng “buôn thần bán thánh” trở thành phổ biến. Những chuẩn mực về văn hóa, những giá trị phổ quát như chân-thiện-mỹ đã bị sự giả dối, cái xấu và cái ác bóp nghẹt không nhân nhượng.

Hệ quả của điều này là các thang giá trị trong xã hội bị đảo lộn. Sự tự trọng, danh dự đã bị sự giả hoạt, gian dối lấn át. Người ta sẵn sàng làm đồ giả để dâng cúng Quốc tổ, Quốc mẫu; sẵn sàng tranh cướp trong các lễ hội hoa; sẵn sàng túc trực chen lấn xô đẩy đến hỗn loạn trong lễ hội phát ấn.

Chưa bao giờ, nhân phẩm của con người có thể bị xúc phạm dễ dàng và tính mạng của con người có thể bị coi rẻ như vậy. Những vụ đánh giết nhau với hung khí xảy ra thường xuyên, nhiều khi chỉ vì những nguyên nhân không đâu. Không chỉ giữa những người dân bình thường với nhau, mà còn cả giữa đại diện của cơ quan công quyền với dân chúng. Vốn văn hóa dân tộc trở nên mỏng manh hơn bao giờ hết trước sự tấn công của văn hóa ngoại, đặc biệt là văn hóa Trung Quốc dưới mọi hình thức, thể loại.

Một điều hết sức đáng băn khoăn là thế hệ thanh thiếu niên đang lớn lên trong một môi trường thiếu hình mẫu cá nhân về lý tưởng và đạo đức, do vậy dễ quen một cách tự nhiên với các thói xấu như quay cóp, gian lận thi cử, đạo văn, hối

lộ... Tính vị kỷ được đề cao, đi liền cùng sự thờ ơ với các vấn đề của xã hội, của đất nước.

Nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng suy thoái đạo đức, văn hóa này là sự thiếu trách nhiệm của các cơ quan chức năng; sự băng hoại, tha hóa của nhiều công chức qua việc tham nhũng và hối lộ; và sự kiểm soát báo chí và truyền thông, – vũ khí mạnh nhất để chống lại tham nhũng, bất công, giả dối, ác độc – đã làm cho công luận bị hạn chế và vô hiệu hóa.

3. Về giáo dục

Giáo dục là vấn đề được toàn xã hội Việt Nam quan tâm nhất từ nhiều năm nay. Từ cuối thập niên 1990 nhà nước đã đưa giáo dục lên quốc sách hàng đầu, nhưng thực tế thì tình hình giáo dục ngày càng tụt hậu, sa sút, nhất là trong những năm gần đây. Một vài điểm nổi bật dễ thấy của giáo dục Việt Nam trong những năm qua như sau.

Một là chất lượng đào tạo sút kém, từ bậc phổ thông đến đại học và càng lên cao chất lượng càng yếu. Nhìn tổng thể, giáo dục Việt Nam chưa đào tạo đủ những người có kiến thức và năng lực để đáp ứng nhu cầu của phát triển đất nước. Nhân lực đào tạo ra ở cuối bậc đại học, cao đẳng và dạy nghề còn ở khoảng cách xa với đòi hỏi thực tế của các ngành nghề và xã hội.

Hai là hệ thống giáo dục phổ thông gây ra nhiều hiện tượng làm bức xúc trong xã hội như tổ chức quá nhiều kỳ thi, lãng phí sức người, sức của; dạy thêm, học thêm tràn lan; chương trình giáo dục và sách giáo khoa luôn thay đổi nhưng chất lượng không được cải thiện. Ngoài ra, bệnh thành tích và các tệ nạn tham nhũng trong giáo dục hết sức phổ biến.

Ba là giáo dục đại học có chất lượng nói chung còn thấp, gần đây lại phát triển hỗn loạn với nhiều trường tư chạy theo lợi nhuận lại được cấp phép bừa bãi, không đáp ứng một quy hoạch có cân nhắc nào. Tình trạng nói trên dẫn đến hiện tượng “tị nạn giáo dục”, khi những người giàu có ở Việt Nam, kể cả các quan chức trong Đảng và chính phủ, đều tìm cách cho con em ra nước ngoài học, thậm chí từ cấp phổ thông.

Bốn là bằng cấp trở thành mục đích, là cứu cánh của cả xã hội, và các tệ nạn học vẹt, học tủ, bằng giả, gian lận trong thi cử, ... không hề được bài trừ một cách kiên quyết. Nhiều quan chức bị tố cáo trên báo chí về việc dùng bằng giả hay gian lận thi cử rồi cũng được bỏ qua, thậm chí được bổ nhiệm chức vị cao hơn. Hiện tượng mua bằng, sao chép luận án, thuê viết luận án, v.v. đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến đạo đức học đường nói riêng và toàn xã hội nói chung.

Năm là chế độ phong chức danh phó giáo sư và giáo sư ở đại học còn nhiều bất cập. Các tiêu chuẩn phong chức danh hiện nay không khuyến khích nhà giáo đại học hướng đến những nghiên cứu khoa học đích thực, có ý nghĩa mà thường làm những việc dễ dãi có “điểm” theo quy định không đâu có của việc phong chức danh. Ngoài ra, các chức danh này lẽ ra chỉ dành cho người giảng dạy đại

học hoặc nghiên cứu khoa học, nay được phong ở nhiều ngành cho nhiều người vốn không có vị trí giảng dạy đại học hay nghiên cứu ở cơ quan khoa học, làm cho nhiều quan chức hành chính nhảy vào tham gia công việc của đại học một cách không thích đáng.

Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng sa sút của giáo dục đã được bàn luận rộng rãi, chúng tôi cho rằng các nguyên nhân sau đây là chính yếu.

Một là giáo dục của Việt Nam trong những năm qua thiếu một tầm nhìn chiến lược tổng thể; thiếu kiên quyết theo đuổi một triết lý giáo dục xác định; thiếu kế hoạch đồng bộ từ cơ cấu tổ chức đến triển khai các hoạt động giáo dục; ở rất nhiều nơi, sự cứng nhắc và áp đặt của hệ thống chính trị đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động giáo dục. Thêm nữa là nội dung giáo dục nặng nề, phương pháp dạy và học lạc hậu, chậm đổi mới; và trên hết là thiếu những người lãnh đạo ngành giỏi cùng một đội ngũ quản lý giáo dục hiệu quả. Những cố gắng thay đổi của ngành giáo dục trong những năm qua thường mang tính vụn vặt, chắp vá, nhiều khi do quyết định vội vã của một vài cá nhân và càng làm tình hình thêm rối.

Hai là lương của giáo viên quá thấp làm họ không thể vô tư toàn tâm toàn ý với công việc. Do giáo viên phải tự bươn chải trong một xã hội cha mẹ sẵn sàng làm mọi việc cho sự học của con cái, nhiều tiêu cực đã nảy sinh, ảnh hưởng đến tư cách và hình ảnh người thầy, vốn là điều kiện tiên quyết cho thành bại của giáo dục.

4. Về y tế

Tình trạng bệnh tật và y tế của nước ta thật hết sức đáng lo.

Số người chết vì tai nạn giao thông làm nhức nhối xã hội, nhưng nguyên nhân tử vong trong các bệnh viêm phổi, viêm họng, viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp, tiêu chảy, viêm dạ dày, ruột non có nguồn gốc nhiễm khuẩn, cúm, sốt rét còn cao hơn nhiều. Mẫu số chung của các bệnh này là tình trạng thiếu dinh dưỡng vì nghèo khó, là môi trường bị ô nhiễm trầm trọng, là sự bất cập trong chính sách về y tế và thiếu đạo đức nghề nghiệp của người thầy thuốc.

Dịch vụ y tế ở Việt Nam có phát triển trong những năm vừa qua (số lượng cán bộ nhà nước làm về y tế tăng xấp xỉ 40% trong giai đoạn 1995-2009, và có thêm nhiều cơ sở y tế tư nhân xuất hiện), nhưng tình trạng quá tải ở các bệnh viện công, với hiện tượng 2-3 người phải nằm chung một giường bệnh ở nhiều nơi, không giảm đi mà thậm chí có phần tăng lên. Lý do là, tuy dịch vụ y tế tăng lên, nhưng bệnh tật ở Việt Nam còn tăng nhanh hơn. Ví dụ, nếu năm 2000 cứ 100 nghìn người có 242 ca ung thư, thì đến năm 2010 con số này đã tăng lên thành 315 ca, so với trung bình trên thế giới là dưới 200 ca. Nếu như trong giai đoạn 2002-2006 cứ 100 người thì có 9 lượt nhập viện trong năm, thì đến năm 2009 con số đó đã tăng hơn 30% thành 12 lượt nhập viện, thuộc loại cao nhất trên thế giới. Tỷ lệ bệnh tật tăng nhanh là cái giá mà Việt Nam đang phải trả cho kiểu

phát triển kinh tế thiếu bền vững, thói làm ăn giả dối dẫn đến môi trường bị ô nhiễm và thực phẩm độc hại.

Tương tự như đối với ngành giáo dục, nhà nước ở trung ương và địa phương chưa chú tâm đầu tư đúng mức đến ngành y tế, trong khi tiếp tục lãng phí trong việc xây dựng nhiều công trình không hoặc chưa cần thiết. Tỷ lệ chi phí mà nhân dân phải tự bỏ ra cho dịch vụ y tế tăng lên nhanh. Nhiều người nghèo có bệnh không được nhập viện, hay phải trốn viện vì không có tiền đóng viện phí. Lương chính thức trả cho các y bác sĩ không đủ sống và không xứng đáng với địa vị của họ. Những điều này góp phần làm cho các tệ nạn tiêu cực, sự suy đồi về đạo đức lan tràn vào trong ngành y tế. Người thầy giáo và người thầy thuốc vốn là những người được xã hội ta tôn trọng từ xưa, nhưng sự suy thoái về đạo đức đã làm phai nhạt đi truyền thống tốt đẹp này.

5. Về khoa học và công nghệ

Có thể nói những đặc điểm chính của khoa học và công nghệ (KH&CN) Việt Nam trong mấy chục năm qua là sự đóng góp còn rất hạn chế của KH&CN vào công cuộc phát triển đất nước; lực lượng làm KH&CN được đào tạo nhiều nhưng không làm việc hiệu quả; các chính sách và cách thức tổ chức hoạt động KH&CN còn nhiều bất cập.

Có thể tóm tắt những điểm nổi bật của bức tranh tổng quát về tình trạng khoa học và công nghệ của Việt Nam hiện nay, như sau:

Thứ nhất, có thể nói hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH&CN ở Việt Nam còn mờ nhạt: hoạt động nghiên cứu KH&CN có chất lượng thấp và KH&CN chưa có những đóng góp xứng đáng cho sự phát triển đất nước.

Chất lượng thấp này có thể thấy rõ qua các thước đo khách quan như số lượng các công trình công bố trên các tập san khoa học quốc tế uy tín và số bằng phát minh sáng chế. Trong 10 năm qua, số lượng công bố của các nhà khoa học Việt Nam chỉ bằng 1/3 của Thái Lan và 2/5 của Malaysia. Hơn nữa, ở nhiều lĩnh vực, phần lớn những nghiên cứu này là do hợp tác với nước ngoài, tức còn phụ thuộc vào “ngoại lực” quá nhiều. Trong giai đoạn 2000-2007, các nhà khoa học Việt Nam chỉ đăng kí được 19 bằng phát minh, trong khi cùng thời gian này Malaysia có 901 bằng phát minh. Thái Lan (310), Philippines (256) và Indonesia (85) cũng đều có số bằng phát minh nhiều hơn Việt Nam nhiều lần.

Ứng dụng và sáng tạo KH&CN trong sự phát triển của Việt Nam còn mờ nhạt, chưa tương xứng với lực lượng đông đảo cán bộ KH&CN được đào tạo và chưa đáp ứng được đòi hỏi của xã hội. Kinh phí đầu tư, chính sách và cách quản lý chưa cho thấy KH&CN khó có thể trở thành yếu tố quyết định để Việt Nam thoát ra khỏi nhóm quốc gia chủ yếu chỉ sản xuất sản phẩm đơn giản hay gia công hàng hóa. Hiện tại, phần lớn doanh nghiệp làm ăn chưa dựa trên KH&CN và hầu hết không có liên kết chặt chẽ với các cơ sở KH&CN.

Thứ hai là số người được đào tạo để hoạt động KH&CN tuy rất đông với nhiều bằng cấp, nhưng phần lớn không thật sự hoạt động KH&CN, mà lay lắt hoặc “chân trong chân ngoài” với danh nghĩa làm KH&CN.

Có thể nêu ra một số nguyên nhân chính của tình trạng trên:

Một là, Việt Nam thiếu một chiến lược KH&CN thích hợp nên chưa xác định được lộ trình của KH&CN, và tập trung vào những hướng quan trọng rất cần cho phát triển đất nước và có thể tạo ra thành quả ý nghĩa. Hạn chế này có phần do việc thiếu các chuyên gia đầu đàn ở mức độ am hiểu sâu sắc lĩnh vực chuyên môn, có kinh nghiệm và uy tín quốc tế, có thể lãnh đạo được những tập thể khoa học. Một nguyên nhân của tình trạng trên là: Tuy số lượng cán bộ KH&CN của ta được đào tạo nhiều, nhưng hầu hết chỉ ở mức vừa xong giai đoạn học việc (như có bằng tiến sĩ mới là xong giai đoạn học để thành người làm nghiên cứu), thường không được rèn luyện thêm trong môi trường KH&CN phát triển để thành nhà khoa học trưởng thành.

Hai là, các nhà khoa học Việt Nam chưa có được môi trường KH&CN thích hợp để có thể làm việc và sáng tạo. Môi trường này gồm ba yếu tố cơ bản: điều kiện làm việc đủ tốt, lương đủ sống để tập trung cho công việc, các chính sách hợp lý có tác dụng kích thích tinh thần sáng tạo, dấn thân vì khoa học. Điều kiện làm việc ở phần lớn các đại học và các viện nghiên cứu của Việt Nam nói chung còn thiếu thốn, chưa đủ để tiến hành nhiều đề tài quan trọng và tiên tiến trong khoa học. Một số nơi có trang thiết bị tốt, lại không giải quyết được vấn đề tiền lương. Tiền lương của người làm khoa học thấp vừa ảnh hưởng đến nội dung, chất lượng nghiên cứu vừa gây ra nhiều hiện tượng tiêu cực, người có năng lực nghiên cứu cũng không chuyên tâm với nghề mà phải xoay xở tìm thêm thu nhập ngoài lương.

Nhiều chính sách và cách quản lý đề tài KH&CN chưa hợp lý cũng góp phần làm ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của nghiên cứu. Thí dụ tiêu biểu như cách tổ chức đề tài khoa học còn nặng tính xin-cho, làm nhiều người làm nghiên cứu mất nhiều thì giờ chạy dự án; việc tuyển chọn và nghiệm thu đề tài thiếu nghiêm túc nên rất nhiều đề tài không có ý nghĩa và giá trị khoa học. Những quy định, tiêu chuẩn hiện nay về việc phong các chức danh giáo sư, phó giáo sư không khuyến khích các nhà khoa học hướng đến những nghiên cứu quan trọng và thách thức, có giá trị khoa học cao hoặc cần cho sự phát triển, mà dễ hướng đến những nghiên cứu dễ làm, những nơi dễ công bố để có đủ “điểm” thỏa mãn các tiêu chuẩn phong chức danh, vốn không có ở bất kỳ nước nào khác. Đây thật sự là những điều rất không hợp lý đã được nhiều nhà khoa học góp ý gần hai chục năm, nhưng không được thay đổi.

Người làm nghiên cứu trong ngành khoa học xã hội còn luôn nổi ám ảnh sợ “chệch hướng”, mất lập trường, nên nói chung sáng tạo bị hạn chế, khoảng cách so với cộng đồng khoa học thế giới càng lớn. Ngoài ra, ngược với yêu cầu rất cao về sự bình đẳng, sự tự do tư duy của môi trường khoa học, việc mất dân chủ ở các cơ quan khoa học thường rất lớn, nhiều trường hợp nội bộ mâu

thuần, giành giật địa vị, hoàn toàn không xứng đáng với phẩm vị của người làm khoa học.

6. Về quan hệ đối ngoại

Sau khi gia nhập ASEAN và bình thường hóa quan hệ với Mỹ, Việt Nam mở rộng quan hệ ngoại giao, kinh tế và giao lưu văn hóa với hầu hết các nước. Sau năm 2000, quan hệ đó được đẩy mạnh thêm một bước bằng Hiệp định thương mại Việt Mỹ và gia nhập WTO. Cùng với trào lưu toàn cầu hóa, kinh tế Việt Nam hội nhập mạnh mẽ vào dòng chảy của thế giới, các quan hệ đối ngoại khác cũng nhộn nhịp hơn trước.

Có thể ghi nhận nhiều mặt tích cực của hiện tượng đó. Chẳng hạn xuất khẩu sang thị trường lớn nhất thế giới (Mỹ) được đẩy mạnh, cơ hội du học của sinh viên Việt Nam tăng nhanh, giành được vị trí trong các tổ chức khu vực và quốc tế như ASEAN, APEC, WTO. Nhưng nhìn kỹ ta thấy những mặt tiêu cực lớn hơn nhiều, rất đáng lo ngại.

Theo chúng tôi, so với thời mới *đổi mới*, mở cửa (đầu thập niên 1990), hình ảnh Việt Nam trên thế giới xấu đi nhiều. Tham nhũng lan ra cả trong các quan hệ quốc tế. Chỉ kể những sự kiện lớn (như dự án ODA của Nhật, vụ in tiền polymer ở Úc,...) cũng thấy thể diện đất nước bị tổn thương nhiều. Các vụ nhỏ hơn thì nhiều vô kể, chỉ cần gặp những doanh nhân nước ngoài có kinh nghiệm làm việc ở Việt Nam là biết rõ. Điều đáng nói là nhà nước Việt Nam đã không có thái độ thích đáng, không xử lý nghiêm những sự kiện bị nước ngoài chỉ trích. Điển hình là vụ in tiền polymer, báo chí nước ngoài nhiều lần nêu tên thật của cựu thống đốc ngân hàng nhà nước mà cả đương sự và chính phủ đều giữ im lặng. Là người Việt Nam có ý thức dân tộc ai cũng thấy hổ thẹn về sự kiện này.

Nhìn sang lĩnh vực đầu tư nước ngoài, ta thấy nổi bật lên sự hiện diện rất lớn của Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapore và gần đây là Trung Quốc. So với các nước tiên tiến như Mỹ, Nhật, Pháp,... thì những nước mới nổi, mới phát triển chưa có nhiều những công ty đa quốc gia tầm cỡ; chưa có công nghệ cao; chưa coi trọng sự minh bạch, hoạt động đúng theo luật và nhất là giữ thanh danh đã được xác lập của mình. Không ít trường hợp các công ty của những nước mới nổi tạo những quan hệ bất chính với quan chức nhà nước Việt Nam, nhất là với chính quyền địa phương, để được cấp các dự án béo bở. Chúng tôi rất lo ngại khi thấy nhà nước Việt Nam quá dễ dãi để cho tư bản nước ngoài đầu tưồ ạt vào việc xây dựng các khu nhà ở quy mô lớn, các khu du lịch, sân golf, v.v. và hình thành những cộng đồng người Hàn, người Hoa trên đất nước mình. Trong khi giới doanh nhân trong nước còn non yếu, chưa có khả năng làm chủ đất nước và cuộc sống của tuyệt đại đa số người dân còn nhiều khó khăn, liệu có nên để cho nước ngoài xây dựng những vùng đặc biệt như vậy? Trong nhiều năm qua, đầu tư nước ngoài triển khaiồ ạt ở Việt Nam mà cơ cấu công nghiệp không chuyển dịch lên cao hơn, không tạo ra được những mặt hàng xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao.

Trong chiều hướng chung ấy, quan hệ với Trung Quốc là đáng lo nhất. Đầu tư của Trung Quốc chưa nhiều bằng những nước nói trên nhưng sự hiện diện của Trung Quốc trong những hình thái khác đang làm Việt Nam mất dần chủ quyền trong nhiều lĩnh vực. Nếu tình hình hiện tại không thay đổi thì đầu tư trực tiếp từ Trung Quốc sẽ tăng nhanh, không bao lâu sẽ chiếm vị trí số một tại Việt Nam.

Hiện nay, quan hệ ngoại thương Việt Trung gây ra bất ổn kinh tế vĩ mô của Việt Nam, tiềm ẩn nguy cơ về an ninh kinh tế và gây khó khăn trên con đường công nghiệp hóa của ta. Mậu dịch giữa hai nước tăng nhanh từ năm 2000 nhưng ngày càng mất quân bình. Do nhập khẩu tăng nhanh, nhập siêu của Việt Nam đối với Trung Quốc ngày càng mở rộng. Hiện nay nhập siêu của Việt Nam đối với thế giới chủ yếu là nhập siêu với Trung Quốc.

Nhìn cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ta thấy nguyên liệu và nông sản phẩm chiếm vị trí áp đảo. Cơ cấu này hầu như không thay đổi trong 10 năm qua. Nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc thì hầu hết là hàng công nghiệp. Các loại máy móc và các sản phẩm trung gian như sắt thép, thậm chí các loại vải để dệt may là những mặt hàng nhập khẩu chính. Theo Hiệp định thương mại ASEAN – Trung Quốc, đến năm 2015 Việt Nam sẽ bãi bỏ hàng rào quan thuế trên hầu hết các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, tình hình sẽ càng bi đát hơn nữa. Con đường công nghiệp hóa của Việt Nam sẽ rất khó khăn. Nhưng chính phủ Việt Nam không thấy nguy cơ đó dù đã được trí thức trong và ngoài nước cảnh báo nhiều lần. Ngược lại nhà nước còn cho tiến hành khai thác bô-xit để xuất khẩu sang Trung Quốc làm cho cơ cấu ngoại thương hiện nay đã bất lợi càng trở nên bất lợi hơn. Cần nói thêm rằng tính chất của ngoại thương Việt Trung hiện nay là quan hệ của một nước tiên tiến với một nước chậm phát triển. Tính chất này vừa tạo ra khó khăn cho kinh tế Việt Nam vừa làm hình ảnh Việt Nam trên thế giới xấu đi nhiều.

Thách thức từ Trung Quốc không chỉ trong ngoại thương. Các công ty Trung Quốc thắng thầu phần lớn các dự án trọng điểm quốc gia của Việt Nam. Trung Quốc với lối làm ăn không minh bạch, sẵn sàng mua chuộc, lại quả, nên dễ thắng phần lớn các gói thầu lớn ở Việt Nam. Theo ước tính, Trung Quốc chiếm khoảng 50% giá trị thầu trong vòng 10 năm nay, đặc biệt Trung Quốc thắng thầu tới 90% các dự án trọng điểm về điện, dầu khí, viễn thông, cơ khí, hóa chất và 100% dự án khai khoáng. Trong việc thực hiện các dự án này, Trung Quốc đưa nhiều lao động đi theo, kể cả các hình thức bất hợp pháp, thậm chí hình thành những khu cư trú đặc biệt cho người Hoa. Ngoài ra, nhiều chính quyền địa phương còn cho công ty Trung Quốc thuê rừng, thuê bờ biển hàng nửa thế kỷ, kể cả những nơi nhạy cảm nhìn từ góc độ an ninh quốc gia.

Một vấn đề nữa là Việt Nam ngày càng vay nợ từ Trung Quốc. Theo số liệu chính thức của Bộ Tài chính Việt Nam, nợ từ Trung Quốc tăng rất nhanh, gấp 10 lần trong 4 năm gần đây (1,4 tỉ USD năm 2009). Nếu khuynh hướng này tiếp tục, chẳng bao lâu Trung Quốc sẽ trở thành chủ nợ lớn nhất và lớn áp đảo đối với Việt Nam.

Quan hệ Việt Trung cũng ảnh hưởng nhiều đến đường lối đối ngoại của Việt Nam. Vấn đề này sẽ được bàn riêng trong một mục ở phần D.

Trong thời đại hội nhập, quan hệ đối ngoại của Việt Nam như được trình bày trên đây hoàn toàn không lành mạnh, ảnh hưởng đến con đường phát triển sắp tới của Việt Nam và tiềm ẩn nguy cơ mất chủ quyền. Yếu tố nào gây ra tình trạng đáng lo này? Có thể kể hai nguyên nhân chính:

Thứ nhất, nội lực của Việt Nam quá yếu nên khi hội nhập với thế giới không hoặc ít tranh thủ được thời cơ từ ngoại lực để phát triển, ngược lại bị ngoại lực chi phối. Thị trường Trung Quốc lớn và rộng nhưng hàng hóa của Việt Nam không chen vào được. Nội lực yếu vì sao? Vì trình độ của nhiều lãnh đạo và quan chức có hạn, không ít trường hợp họ không vì dân vì nước mà vì lợi ích riêng, sẵn sàng tạo điều kiện thuận lợi cho nước ngoài dù thấy bất lợi cho xã hội, cho đất nước. Mở tung cửa thị trường cho hàng hóa và tư bản nước ngoài mà không định hướng để phát triển những ngành mới và có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, không đi kèm các luật lệ, quy định cần thiết để giám sát cũng là một biểu hiện yếu kém của nội lực.

Thứ hai, trong lúc nội lực của Việt Nam còn quá yếu, quan hệ “đặc biệt” với Trung Quốc càng làm cho Việt Nam ngày càng lệ thuộc vào nước này. Kinh tế Trung Quốc lớn, mạnh áp đảo, phát triển nhanh, và lại ở cận kề Việt Nam, trong khi kinh tế Việt Nam nhỏ yếu, phát triển chậm hơn mà Việt Nam lại sẵn sàng đồng ý “hợp tác toàn diện” (4 trong 16 chữ vàng), tạo mọi điều kiện để hợp tác toàn diện thì dẫn đến kết quả như đã thấy.

7. Tổng kết: Đây là những nguyên nhân sâu xa?

Trên đây chúng tôi đã điểm qua thực trạng kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, nghiên cứu khoa học và đối ngoại của Việt Nam hiện nay và trình bày một số nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng đó. Nổi lên trên hết là hai nguyên nhân cơ bản, chung cho tất cả các mặt của xã hội:

Thứ nhất, thể chế còn thiếu dân chủ. Có thể nói rằng thể chế hiện nay là di sản của thời chiến tranh, bao cấp và chủ nghĩa xã hội kiểu Lenin-Stalin, với đặc điểm cơ bản là hạn chế dân chủ, hạn chế tự do tư tưởng, thiếu tinh thần thượng tôn pháp luật. Hệ quả là xã hội suy giảm tính năng động và hiệu quả, hạn chế sáng tạo trong khoa học và giáo dục, không chống được suy thoái giá trị đạo đức và văn hóa, bất công và cách biệt xã hội tăng lên, và không khuyến khích việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển. Chế độ tiền lương bất hợp lý trong cơ chế “xin cho” đã đẩy nhiều công chức vào con đường tham nhũng, và làm cho nhiều nhà giáo, bác sĩ, nhà khoa học, ... không chuyên tâm với nghề nghiệp và không giữ được đức tính cao đẹp vốn có từ xưa. Hoàn toàn đáng lo ngại khi thể chế hiện nay đang hạn chế sức mạnh của đất nước và làm lung lay nền tảng của xã hội.

Thứ hai, là hệ quả của nguyên nhân thứ nhất, trong thành phần lãnh đạo đất nước chưa có nhiều người tài giỏi, bản lĩnh, chịu trách nhiệm cao và quy tụ được

bên mình những trí thức và cộng sự chân chính. Từ trung ương đến địa phương, nhiều quan chức thiếu cả năng lực và đạo đức cần thiết. Tình trạng bằng cấp giả và chạy chức chạy quyền đã trở thành vấn nạn nhức nhối. Việc lợi dụng vị trí công quyền để trục lợi cá nhân đang là hiện tượng phổ biến ở nhiều cán bộ nhà nước.

D. Cải cách vì một nước Việt Nam giàu mạnh và tự chủ

1. Cải cách thể chế là quan trọng nhất

Có thể nói Việt Nam chúng ta đang đứng trước một bước ngoặt lịch sử. Phải có cuộc cách mạng về thể chế mới tránh được nguy cơ này và đưa đất nước phát triển bền vững. Ai sẽ đảm nhận cuộc cách mạng mới này và nội dung cốt lõi của cuộc cách mạng là gì?

Chúng tôi cho rằng ở thời điểm này chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới thực hiện được cuộc cách mạng này. Đảng Cộng sản Việt Nam cần tự thay đổi để lãnh đạo dân tộc bước vào một thời đại mới, thời đại củng cố và phát huy sức mạnh của toàn dân tộc để đất nước trở nên giàu mạnh, tự chủ. Đó cũng chính là sức mạnh to lớn mà Đảng cộng sản Việt Nam (trước đây là Đảng Lao động Việt Nam) đã phát huy, đã phấn đấu, hy sinh trong suốt lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc. Cuộc cách mạng thể chế này, theo chúng tôi, bao gồm những khía cạnh sau:

Thứ nhất, không áp đặt một hệ tư tưởng, một ý thức hệ duy nhất vào thể chế chính trị, vào đời sống của dân, vào các hoạt động kinh tế – giáo dục – văn hóa – báo chí, để tạo điều kiện cho người dân, nhất là giới trẻ tiếp cận được những tinh hoa, những tiến bộ của thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh nếu chỉ biết Mác-Lênin, không tiếp thu mọi tư tưởng tiến bộ của thế giới thì đã không viết được bản Tuyên ngôn độc lập gói ghém những giá trị phổ quát của nhân loại. Trên thực tế, chính Đảng Cộng sản đã từ bỏ nhiều khẩu hiệu phi lý một thời đã được cường điệu. Chẳng hạn “Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội” từng là một trong những khẩu hiệu được phổ biến rộng rãi (sau năm 1975) nhưng đã dần dần biến mất. Đó là một sự thay đổi tích cực cần ghi nhận. Mong rằng Đảng Cộng sản tiến thêm một bước tránh dùng các cụm từ như “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” để các thế lực bảo thủ vì lợi ích riêng không thể dựa vào đó để làm cho đất nước trì trệ, lạc hậu. Chúng tôi cho rằng Đảng Cộng sản chỉ giữ mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là hợp lòng dân.

Ra khỏi sự ràng buộc vào một ý thức hệ cũng sẽ giúp cho Việt Nam độc lập với Trung Quốc về mặt này và đi trước Trung Quốc về cải cách thể chế. Làm được điều này, Đảng Cộng sản vừa được lòng dân vừa tạo được uy tín trên thế giới.

Thứ hai, phải triệt để thực hiện *dân chủ*, đúng như quy định của Hiến pháp và đúng như trong Cương lĩnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra. Đảng phải làm thế nào để nhân dân thấy rằng đó không phải là khẩu hiệu mà chính là khát

khao, trần trở thường xuyên của lãnh đạo, của nhà cầm quyền để mọi người dân thật sự được tham gia bàn bạc và quyết định việc chung. Để thực hiện dân chủ trong khuôn khổ pháp lý hiện nay, chỉ cần triển khai và thật sự áp dụng nội dung của Hiến pháp.

Trước hết, phải thực sự tôn trọng các quyền mà Hiến pháp đã ghi rõ, đặc biệt là quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận và quyền bình đẳng trước pháp luật. Đầu tiên là quyền tự do báo chí. Muốn biết một nước có dân chủ hay không, chỉ cần nhìn tình trạng báo chí là thấy. Mà tình trạng báo chí trong nước ta thì nhân dân thấy rõ là chưa làm được nhiệm vụ thông tin trung thực và soi sáng được dư luận. Tiếp theo là quyền bình đẳng trước pháp luật. Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa rằng luật pháp là ở trên cao nhất, tối thượng, ai cũng ngang nhau và đều ở dưới pháp luật. Vậy mà nhân dân thấy quá nhiều người có quyền chức tự cho mình quyền đứng cao hơn người khác, thậm chí cao hơn cả pháp luật. Như vậy là ta chưa tiến được bước nào, thậm chí còn đi lùi, trên con đường “nhà nước pháp quyền” mà chính Hiến pháp đã đề xuất. Bình đẳng trước pháp luật bao hàm bình đẳng trước công vụ như một hệ quả tất nhiên. Do đó, những phân biệt đối xử như lý lịch, đảng viên hay không, đều là trái với Hiến pháp. Bình đẳng trước công vụ, ai cũng có quyền bầu cử, ứng cử như nhau, ai cũng phải được tuyển dụng vào các cơ quan hành chính trên cơ sở duy nhất là năng lực và tinh thần trách nhiệm. Chỉ với biện pháp đó, thực hiện triệt để, nền hành chính của ta, từ trung ương đến địa phương, mới có thể tuyển dụng được người tài giỏi xứng đáng.

Thứ hai, triệt để tôn trọng nguyên tắc “Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất”. Đảng Cộng sản phải thực sự thực hiện nguyên tắc đó để làm nhân dân tin rằng lá phiếu của mình chắc chắn góp phần vào việc xây dựng một cơ quan xứng đáng là đại diện toàn dân.

Thứ ba, bảo đảm có hệ thống tòa án độc lập là sự phân quyền vô cùng quan trọng. Để có được sự độc lập và bảo đảm khả năng chuyên môn về luật pháp, các thẩm phán cần phải được tuyển dụng như công chức, được bổ nhiệm theo một quy chế riêng có mục đích bảo vệ tính độc lập của họ. Thẩm phán ở cấp cao có trách nhiệm bổ nhiệm thẩm phán cấp dưới, cần có nhiệm kỳ dài, chỉ bị truất quyền giữa nhiệm kỳ nếu vi phạm luật pháp.

Cần nhấn mạnh điều này: Nếu Đảng đứng trên hiến pháp và quyết định thay cho Quốc hội và tòa án thì tình trạng mãi kéo dài như hiện giờ: Nhiều sai phạm lớn của cán bộ, đảng viên chỉ được xử lý nội bộ, được bao che, nên không phòng chống được tham nhũng, và kết quả là mất lòng dân và bộ máy nhà nước kém hiệu lực.

Thứ tư, cần tạo cơ chế công khai, minh bạch, thực sự dân chủ, trước hết là trong Đảng để có thể chọn lựa và làm xuất hiện những nhà lãnh đạo xứng tầm với trí tuệ của dân tộc, được dân tin tưởng và được thế giới kính trọng. Không nên tiếp tục cách làm hiện nay là dàn xếp trong nội bộ Đảng rồi đưa ra Quốc hội lấy phiếu tín nhiệm.

Chúng tôi thẳng thắn nêu những vấn đề này chỉ với mong muốn Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng là tổ chức lãnh đạo đất nước, không bị trói buộc bởi những giáo điều, những mô hình đã bị thực tế lịch sử loại bỏ. Những giấc mơ, những lý tưởng tốt đẹp cần được chứng minh từng bước bằng thực tế, bằng kết quả hiện thực chứ không chỉ bằng duy ý chí, và bị lợi dụng bởi một nhóm người cầm quyền, dùng giáo điều, dùng khẩu hiệu để củng cố quyền lực và lợi ích phe nhóm mà hậu quả là đất nước tụt hậu và tha hóa...

Nếu bốn điểm nói trên được thực hiện, dân chúng sẽ tin tưởng ở Đảng Cộng sản, tin tưởng ở người lãnh đạo và hy vọng về một đất nước tốt đẹp hơn. Do đó dân chúng nếu có bất mãn và phê phán lãnh đạo hay quan chức thì chỉ là đối với cá nhân chứ không phải đối với Đảng Cộng sản. Ngược lại, dân chúng được tự do sử dụng các quyền chính đáng của mình thì chính là giúp Đảng phát hiện ra những người không đủ tư chất đảm trách công việc lãnh đạo hay quản lý. Thực hiện dân chủ cũng là biện pháp hữu hiệu để phòng chống tham nhũng.

Ngoài ra, Đảng Cộng sản cần quan tâm hơn đến vấn đề đoàn kết dân tộc. Nếu những điểm nói trên được thực hiện thì kết quả là gắn bó được dân với Đảng và thực hiện được đoàn kết. Tuy nhiên, cần đưa ra các chính sách cụ thể, chẳng hạn nghiêm cấm việc lạm dụng quyền lực để đè bẹp người thân, có quy chế luật lệ nghiêm khắc để xử lý các trường hợp sai phạm. Việc cất nhắc, đề bạt không dựa trên lý lịch chính trị mà theo năng lực và tư chất đạo đức. Đảng và Nhà nước cần nghiêm chỉnh thực hiện chính sách hòa hợp hòa giải dân tộc đối với cựu quan chức và quân nhân của chế độ cũ ở Miền Nam, nhất là trong bối cảnh cần đoàn kết dân tộc trước yêu cầu tăng nội lực để phát triển đất nước và trước nguy cơ ngoại xâm. Đặc biệt trong tình hình phức tạp ở biển Đông, để cổ vũ lòng yêu nước của mọi người dân không phân biệt chính kiến, quá khứ, chúng tôi đề nghị nên có hình thức biểu dương sự dũng cảm hy sinh của quân đội Việt Nam Cộng hòa ở Hoàng Sa năm 1974.

Trong việc thúc đẩy sự hòa giải và hòa hợp dân tộc, cần có biện pháp hữu hiệu để người Việt ở nước ngoài hợp tác với các cơ sở trong nước, nhất là trong nghiên cứu khoa học, trong giáo dục và phát triển kinh tế, để cùng làm cho đất nước giàu mạnh.

2. Củng cố bộ máy nhà nước.

Một chính phủ mạnh và hiệu quả là điều kiện tối cần thiết để kinh tế phát triển nhanh và có chất lượng cao. Để củng cố bộ máy nhà nước, cần cải cách chế độ tiền lương và thực hiện việc thi tuyển quan chức. Đây là vấn đề cốt lõi của nhiều vấn đề.

Cải cách chế độ tiền lương là một việc tuy khó nhưng cấp bách và không thể trì hoãn, vì nếu không sẽ không thể giải quyết được vấn đề nào khác. Thiết nghĩ, đây là vấn đề nan giải nhưng không hẳn là không có giải pháp nếu nhà nước thực lòng quyết tâm. Trước mắt, chúng tôi đề khởi một số nội dung cải cách như sau:

Thứ nhất, hiện tượng phổ biến hiện nay là tiền lương chỉ chiếm một phần nhỏ trong thu nhập của quan chức, công chức, thầy giáo, v.v.. Do đó, trước tiên phải minh bạch hóa các nguồn thu nhập này và lần lượt đưa vào lương.

Thứ hai, cải cách thuế để tăng thu ngân sách. Đặc biệt cần đánh thuế lưu thông bất động sản, đánh thuế suất cao đối với những người sở hữu nhiều bất động sản, và đánh thuế thừa kế tài sản.

Thứ ba, tăng tỉ lệ tiền lương trong tổng thu ngân sách. Trước mắt giảm tỉ lệ đầu tư công lấy từ ngân sách, hoãn những dự án đầu tư lớn cần nhiều vốn nhưng chưa thật cần thiết..

Thứ tư, tinh giảm bộ máy công quyền ở trung ương và địa phương.

Chúng tôi đề nghị nhà nước lập ra ngay một ban chuyên trách về cải cách tiền lương gồm các chuyên gia kinh tế, tài chính, hành chính. Ban chuyên trách này sẽ khẩn trương nghiên cứu, xem xét 4 nội dung cải cách nói trên, để trong thời gian ngắn đưa ra đề án cải cách khả thi.

Quan chức, công chức phải là những người được tuyển chọn nghiêm túc qua các kỳ thi định kỳ và cuộc sống của họ và gia đình họ phải được bảo đảm bằng tiền lương. Tiền lương cũng phải đủ sức hấp dẫn người có năng lực vào bộ máy công quyền. Nội dung các kỳ thi tuyển cho quan chức cấp trung trở xuống cũng cần chú trọng trình độ văn hóa và sự hiểu biết về luật pháp và cơ cấu hành chính. Quan chức cấp trung ương, cũng với nội dung ấy nhưng ở trình độ cao cấp hơn và thêm các chuyên môn cần thiết. Trình độ văn hóa và sự khó khăn phải vượt qua các cửa thi tuyển sẽ nâng cao khí khái và lòng tự trọng của quan chức, tránh hoặc giảm được tệ nạn tham nhũng. Việc thi tuyển quan chức còn có tác dụng tạo niềm tin và động lực học tập trong giới trẻ vì ai cũng có cơ hội bình đẳng thi thố tài năng cho việc nước. Chế độ tiền lương và việc thi tuyển quan chức cần được thực hiện trong vòng 3-4 năm tới.

3. Về chiến lược, chính sách phát triển kinh tế

Đây là vấn đề khá rộng và lớn, ở đây chỉ xin nói đến mấy điểm chúng tôi cho là quan trọng nhất.

Nguồn lực lớn nhất của Việt Nam là con người. Chiến lược phát triển phải vì cuộc sống của đại đa số dân chúng và chủ yếu dựa vào nguồn nhân lực ngày càng có kỹ năng cao qua giáo dục và đào tạo, qua khả năng làm chủ công nghệ.

Hiện nay xuất khẩu lao động và phụ nữ lấy chồng nước ngoài vì lý do kinh tế đang là hiện tượng làm bức xúc người dân và ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam trên thế giới. Chúng tôi đề nghị nhà nước đưa ra mục tiêu đến năm 2020 phải thực hiện toàn dụng lao động, không còn ai phải miễn cưỡng ra nước ngoài chỉ vì sinh kế.

Để phát triển bền vững và hướng tới toàn dụng lao động cần đẩy mạnh công nghiệp hóa theo hướng ngày càng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và chú trọng phát triển nông thôn. Cho đến nay trí thức trong và ngoài nước đã đề xuất nhiều chiến lược, chính sách về các vấn đề này nhưng không được nhà nước quan tâm thực hiện. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi đề nghị nhà nước cần tập trung những chuyên gia có trình độ, thành lập một bộ phận chuyên trách để xây dựng và giám sát việc thi hành chiến lược phát triển với đủ thẩm quyền và chế độ đãi ngộ thích hợp. Bộ phận này phải được đặt trên tất cả các bộ ngành liên quan tới lĩnh vực kinh tế, đứng đầu là Thủ tướng hoặc Phó thủ tướng thường trực, có những chuyên viên tài năng, có cơ chế tiếp thu ý kiến của giới doanh nhân và trí thức. Việt Nam hiện nay cũng có những cơ quan như Bộ Kế hoạch & Đầu tư hay Bộ Công thương nhưng quyền hạn liên quan tới vấn đề này bị phân tán, ràng buộc bởi nhiều mối quan hệ với cơ quan hay doanh nghiệp nhà nước, vì vậy thường khó có thể đề xuất được những chính sách hiệu quả, hoặc do phải cân nhắc lợi ích của quá nhiều đối tượng nên những nội dung thống nhất được cũng mang tính thỏa hiệp, chung chung.

Về xây dựng kết cấu hạ tầng, chúng tôi đề nghị hoãn kế hoạch xây dựng đường sắt cao tốc vì chưa cần thiết, tốn kém lớn và đã được chứng minh bằng các phân tích khoa học là không có hiệu quả. Thay vào đó, cần tu bổ nâng cấp đường sắt Thống Nhất, mở rộng mạng lưới đường sắt phổ thông đến vùng đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh miền Bắc, đồng thời xây dựng đường bộ cao tốc Bắc Nam và xây dựng các tỉnh lộ, huyện lộ nối nông thôn với đường sắt và đường cao tốc này, nhất là nối nông thôn với các đô thị gần đường cao tốc. Kết cấu hạ tầng như vậy mới thúc đẩy công nghiệp hóa nông thôn.

Liên quan đến phát triển nông thôn, việc cải cách chế độ hạn điền, tư hữu hóa sở hữu ruộng đất cần được đẩy mạnh. Chế độ hộ khẩu đã được cải thiện nhiều nhưng mỗi đô thị lại có các quy chế riêng, cần cải cách theo hướng tự do hóa việc thay đổi chỗ ở hơn nữa để người dân khi đến đô thị làm việc có thể yên tâm với cuộc sống ở đó và không cần giữ lại quyền sử dụng đất ở nông thôn. Với sự phân tán, manh mún của ruộng đất hiện nay, việc tăng năng suất nông nghiệp gặp khó khăn. Tăng năng suất nông nghiệp và công nghiệp hóa nông thôn là hai trụ cột để nâng cao mức sống của người dân ở nông thôn nói riêng và phát triển kinh tế nói chung.

Đối với hoạt động của doanh nghiệp, thị trường lao động hiện nay có vấn đề không ăn khớp giữa cung và cầu: Ở các khu công nghiệp tại các thành phố lớn bắt đầu có hiện tượng thiếu lao động, doanh nghiệp khó tuyển dụng số lao động cần thiết, mặc dù ở nông thôn vẫn còn lao động dư thừa. Nguyên nhân là do thị trường lao động chưa phát triển, cung và cầu không gặp nhau. Một nguyên nhân nữa là chất lượng lao động (trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, khả năng tiếp thu tri thức về hoạt động của doanh nghiệp,...) không đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Biện pháp để cung cấp lao động một cách ổn định phải bao gồm chính sách ngắn hạn (phát triển thị trường lao động) và chính sách trung dài hạn (nâng cao chất lượng lao động, tăng cường giáo dục nghề nghiệp). Chính quyền địa phương ở nông thôn cần tích cực hơn nữa trong lĩnh vực này.

Nhà nước cần lắng nghe chuyên gia, trí thức về việc quyết định các dự án lớn. Đặc biệt, chúng tôi đề nghị tạm ngưng kế hoạch xây dựng nhà máy điện hạt nhân ở Ninh Thuận vì những lý do chúng ta đã biết và các chuyên gia của ta cũng đã có những phân tích cho thấy dự án này quá tốn kém và chứa nhiều rủi ro tiềm ẩn. Nhiều người trong chúng tôi cũng đã đề nghị ngưng kế hoạch khai thác bô-xit ở Tây nguyên vì các lý do về môi trường, an ninh, hiệu quả kinh tế, và sự lệ thuộc vào nước ngoài.

Vấn đề cuối cùng là cải cách doanh nghiệp quốc doanh trong đó có các tập đoàn. Cần đặt các doanh nghiệp đó trong khung cảnh chung của luật pháp, xóa bỏ việc để hành pháp trực tiếp lãnh đạo kinh doanh – dù dưới dạng Thủ tướng quản hay Bộ trưởng quản – và thay vào đó là Hội đồng quản trị độc lập và có nhiệm kỳ, do Quốc hội hay Hội đồng Nhân dân bổ nhiệm, nhằm hạn chế sự thao túng của các nhóm lợi ích. Doanh nghiệp quốc doanh dùng tiền của dân và nhằm phục vụ dân, do đó phải có tiếng nói của đại diện nhân dân. Hội đồng quản trị có đại diện của dân do các tổ chức hội chuyên nghiệp và Mặt trận Tổ quốc đề cử, có đại diện của người tiêu dùng chính do các ngành sử dụng đề cử, có các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực hoạt động doanh nghiệp do các hội chuyên gia đề cử. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm chủ tịch công ty hay tập đoàn. Để cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả và thực sự phục vụ nhân dân thì phải có các tổ chức chỉ đạo, kiểm tra nghiêm túc. Ngoài ra, số lượng doanh nghiệp phải hạn chế, không thể để cho chính quyền các cấp tự do lập ra như hiện nay. Đặc biệt, phải công khai, minh bạch trong việc cấp vốn, việc cấp và sử dụng các nguồn lực quốc gia cho các doanh nghiệp nhà nước. Ngoài những trường hợp đặc biệt ưu tiên cho doanh nghiệp nhà nước đã được công khai, minh bạch, chính sách cần bảo đảm công bằng cơ hội, bảo đảm hiệu quả sử dụng và không phân biệt giữa các thành phần kinh tế, không phân biệt giữa các công ty, kiểm soát và hạn chế việc hỗ trợ các nguồn lực quốc gia theo kiểu chủ nghĩa tư bản thân hữu.

4. Về văn hóa, giáo dục, y tế, nghiên cứu khoa học và công nghệ

Chúng tôi có mấy đề nghị cụ thể sau:

a) Cần có chính sách ngăn chặn sự xuống cấp của văn hóa và đạo đức xã hội. Tăng cường quảng bá và khuyến khích những giá trị phổ quát, tiến bộ của nhân loại như tự do, bình đẳng, bác ái, dân chủ, quyền con người,... Đồng thời, phục hồi những giá trị văn hóa truyền thống tích cực để làm nền tảng cho các ứng xử văn hóa, các chuẩn mực đạo đức trong sinh hoạt xã hội. Song song với việc này cần tích cực bảo tồn các di tích văn hóa, lịch sử của dân tộc và ngăn chặn sự xâm thực không chọn lọc của văn hóa ngoại lai, đặc biệt là từ Trung Quốc.

b) Cần giảm các hình thức thi đua, tuyên dương, trao huân chương như hiện nay: Các cơ quan, các đoàn thể tổ chức quá nhiều lễ kỷ niệm những mốc hoạt động (20 năm, 30 năm, v.v.) và vận động để được nhận huân chương. Đây là hình thức tốn kém thì giờ, ngân sách mà không có hiệu quả, chưa kể đến những

tiêu cực trong quá trình xin-cho vốn rất phổ biến. Phong trào học tập đạo đức Hồ Chí Minh cũng không thật sự hiệu quả vì dân chúng thấy tình trạng tham nhũng ngày càng trầm trọng, người cần học tập đạo đức Hồ Chí Minh (cần kiệm liêm chính chí công vô tư, ...) trước hết phải là những người ở cấp lãnh đạo và quản lý nhà nước. Tổ chức học tập nghị quyết của Đảng sau các kỳ đại hội như cách làm hiện nay cũng tốn kém và làm ảnh hưởng đến việc quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương. Thay vào đó nên áp dụng các hình thức khác thích hợp và ít tốn kém thì giờ, ngân sách.

c) Việc cải tổ giáo dục được bàn quá nhiều trong thời gian qua nhưng không đưa lại kết quả. Do tầm quan trọng và tình hình ngày càng xuống cấp của giáo dục, chúng tôi đề nghị Thủ tướng trực tiếp chịu trách nhiệm về giáo dục, cụ thể là chỉ đạo nội dung cải cách, theo sát việc triển khai các chiến lược, chính sách, và chịu trách nhiệm về kết quả của các cải cách lớn.

Một trong những nội dung cải cách cấp bách phải là nâng cao vị thế của người thầy, bắt đầu từ đồng lương đủ sống và nuôi gia đình. Từ đó tiến đến việc thiết lập lại sự trung thực trong học tập và thi cử, trả lại tính trong sáng của tuổi trẻ cho học trò, tạo điều kiện cho những tài năng nảy nở.

Một nội dung nữa là tôn trọng quyền tự do học thuật và tư tưởng ở đại học cũng như trong các hoạt động trí thức, văn hoá nghệ thuật, tạo ra sức thu hút đối với tuổi trẻ và qua đó giúp thế hệ trẻ có động lực phấn đấu mạnh mẽ, có ý thức công dân cao và hoài bão phát triển đất nước. Nhân đây chúng tôi cũng đề nghị Thủ tướng hủy bỏ Quyết định 97 đòi hỏi trí thức chỉ được góp ý riêng với các cơ quan có thẩm quyền.

d) Cụ thể hóa các biện pháp làm cho giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Triệt để thực hiện miễn phí bậc tiểu học và trung học cơ sở (chậm nhất là đến năm 2015) và trung học phổ thông (đến năm 2020). Song song với việc nâng cấp các đại học đang có, cần có ngay kế hoạch xây dựng một hoặc hai đại học chất lượng cao, trong đó nội dung giảng dạy, cơ chế quản lý, và trình độ giáo sư cũng như tiêu chuẩn đãi ngộ tương đương với các đại học tiên tiến ở châu Á. Về các đại học và trường cao đẳng ngoài công lập, cần có biện pháp chấn chỉnh giải quyết ngay những nơi không đủ chất lượng và có quy chế để ngăn ngừa hiện tượng kinh doanh giáo dục hiện nay. Ngoài ra, cần ban hành các sắc thuế khuyến khích doanh nghiệp và những cá nhân có tài sản đóng góp vô vị lợi (chủ yếu là tặng không) cho sự nghiệp giáo dục. Những vấn đề này cũng cần có kế hoạch thực hiện cụ thể trước năm 2015.

Cần tăng cường mở rộng và xây dựng thêm các trường, các khoa liên quan khoa học tự nhiên và công nghệ, xây dựng nhiều trường cao đẳng công nghệ để cung cấp đủ lao động cho công nghiệp hoá trong giai đoạn tới. Hiện nay, một mặt, trong nhiều ngành, sinh viên tốt nghiệp ra trường không có việc làm, trong khi một số ngành về công nghệ tin học, điện tử, hoá học, kế toán, nông cơ, v.v.. thì nguồn cung cấp thiếu hoặc không đủ chất lượng. Chính sách sắp tới cần chú

trọng đầu tư xây dựng thêm các ngành ở các lĩnh vực này và cải thiện chương trình, nội dung giảng dạy để nâng cao chất lượng. Mặt khác, nhu cầu về lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng kỹ thuật, cao đẳng kế toán,... đang và sẽ tăng nhanh nhưng khả năng cung cấp còn rất hạn chế. Tâm lý coi thường bậc trung cấp và cao đẳng trong xã hội Việt Nam rất lớn. Cần có chính sách khuyến khích học tập trong các bậc học này, chẳng hạn tăng cường chế độ cấp học bổng và quan tâm giới thiệu việc làm cho học viên sau khi ra trường. Tóm lại, cần đổi mới thể chế giáo dục và đào tạo hiện nay mới có thể thực hiện toàn dụng lao động và đẩy mạnh công nghiệp hoá trong thập niên 2010.

Nhiều cải cách trong giáo dục cũng nên được áp dụng trong y tế: tăng đầu tư xây dựng bệnh viện, xây dựng các cơ sở y tế ở nông thôn và phổ cập bảo hiểm y tế để người nghèo có thể tiếp cận dịch vụ y tế với phụ phí thấp. Nên có chính sách miễn phí khám bệnh và phí nhập viện cho người dân nghèo hoặc cận nghèo.

e) Tăng cường đầu tư và cải thiện việc sử dụng ngân sách cho nghiên cứu khoa học: Một trong những lý do thành quả nghiên cứu khoa học của ta còn khiêm tốn là do thiếu đầu tư. Đầu tư cho nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2006 chẳng hạn chỉ có 428 triệu USD, chiếm khoảng 0,17% GDP. Trong cùng năm, Thái Lan đầu tư 1,79 tỉ USD (0,3% GDP) và Malaysia 1,54 tỉ (0,5% GDP). Đáng chú ý là Trung Quốc đầu tư 1,4% GDP cho khoa học và công nghệ trong năm 2010 và đặt mục tiêu đầu tư 4% GDP vào năm 2015. Ngân sách đầu tư cho khoa học công nghệ ở Việt Nam có đặc tính là tập trung vào việc xây dựng cơ sở vật chất thay vì chi tiêu cho việc thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học. Ngoài việc tăng đầu tư, cần phải xem xét lại việc sử dụng ngân sách khoa học. Theo cách làm hiện nay thì chúng ta có thể có những thiết bị khoa học tinh vi, nhưng không có người sử dụng hiệu quả những thiết bị này. Trong thực tế, tình trạng “thiết bị trùm chần” đó đã trở nên phổ biến. Như đã phân tích ở trên, nền khoa học nước ta hiện nay còn lệ thuộc quá lớn vào các đồng nghiệp nước ngoài vì thiếu chuyên gia có trình độ cao. Do đó, thay vì đầu tư xây thêm phòng thí nghiệm, cần chú trọng đầu tư vào đào tạo chuyên gia có trình độ chuyên sâu.

Chẳng những cần tăng đầu tư cho khoa học và công nghệ, chúng ta cần phải cải cách hệ thống phân phối ngân sách cho nghiên cứu khoa học và quản lý khoa học. Hiện nay, các đề tài nghiên cứu cơ bản ở cấp nhà nước do các nhà khoa học xây dựng đã được quản lý khá tốt bởi Quỹ KH&CN quốc gia (Nafosted). Nhưng với các loại đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển sản xuất ở các cấp – do cơ quan chủ quản ra đề tài, kêu gọi các nhà nghiên cứu nộp đơn xin và các cơ quan chủ quản xét duyệt và thẩm định – lại chưa có sự tham gia đúng mức của các nhà chuyên môn. Vì lý do này nhiều đề tài nghiên cứu của các bộ ngành, địa phương đề ra không theo kịp trào lưu và định hướng của khoa học quốc tế và nhu cầu thực tế.

5. Chiến lược đối ngoại

Trong chiến lược đối ngoại của Việt Nam hiện nay, Trung Quốc, Mỹ và ASEAN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

“Đường lối ngoại giao của Việt Nam là thân thiện với mọi nước”: nguyên tắc đó luôn luôn là lý tưởng. Nhưng lý tưởng đó cũng luôn luôn va chạm với một thực tế mà không nước nào tránh khỏi: đó là thực tế chiến lược mà vị trí địa dư là yếu tố then chốt.

Chẳng hạn quan hệ của ta với Trung Quốc. Dù Việt Nam muốn chân thành làm bạn với Trung Quốc đến đâu đi nữa, vị trí địa dư của Việt Nam cũng bắt buộc ta phải đồng thời nhìn Trung Quốc như một vấn đề an ninh cốt tủy và thường xuyên. Không việc gì ta phải giấu diếm quan tâm sinh tồn đó bằng 16 chữ vàng. Càng giấu, ngôn từ và hành động ngoại giao của ta lại càng để lộ yếu kém, sợ hãi, khiếp nhược. Chỉ bằng cách nói thẳng với Trung Quốc: “Nam quốc sơn hà nam đế cư”, ta mới có thể làm bạn với Trung Quốc trên một vị thế không phải là khúm núm, thần phục. Ngày xưa, chỉ có ta với Trung Quốc thôi, ngoài trướng với đá không có ai khác, vậy mà tổ tiên ta vẫn có thể hiên ngang nói thẳng như thế, hướng hồ bây giờ, thế giới đổi khác, quan hệ chiến lược có thể mở rộng với nhiều nước khác, cho phép Việt Nam lập hàng rào chiến lược bằng những quan hệ đặc biệt với nhiều nước.

Trung Quốc chắc phải hiểu cái thế tất yếu đó của Việt Nam. Cho nên họ vừa dụ dỗ, vừa uy hiếp để Việt Nam không thiết lập quan hệ đặc biệt với Mỹ và ngay cả không mơ tưởng đến một sách lược cân bằng lực lượng như nhiều nước trong khối ASEAN công khai áp dụng. Việt Nam có gì khác với các nước ASEAN khác khiến Trung Quốc có thể uy hiếp được? Không phải vì cái vị thế “núi liền núi sông liền sông” trong địa dư mà chính vì “núi liền núi sông liền sông” trong tư tưởng. Chẳng có ai phản đối: văn hóa Trung Quốc đã từng sáng chói cả một vùng trời Đông Á, ta chịu ảnh hưởng không phải là chuyện lạ, chuyện dở. Chuyện dở là chịu ảnh hưởng mà không biết sáng tạo như Nhật Bản. Chuyện dở là chịu ảnh hưởng đến cái mức phải làm cho giống nguyên bản để khỏi bị xem là man di. Từ trong tư tưởng, Trung Quốc đã là cái khuôn để rập theo. Họ Khổng giáo thế nào, ta Khổng giáo thế ấy. Họ Mao, ta cũng đã từng Mao. Họ đang là gì, ta cũng đang thế ấy. Suốt cả thế giới châu Á, có lẽ ngoài Việt Nam và Bắc Triều Tiên, không có nước nào làm cái bóng dưới mặt trời tư tưởng của họ. Trung Quốc biết rõ như thế, việc gì họ chẳng nắm cái điểm yếu đó để dụ và đe? Họ biết rõ ta sẽ không nghĩ đến cái thế cân bằng lực lượng, vì từ trong tư tưởng ta đã không có ý niệm cân bằng, đã lựa chọn nghiêng về một phía, đã nhượng bộ họ trên khắp lĩnh vực.

Họ lại còn tha hồ nắm cái điểm yếu đó vì biết chắc rằng không ai muốn sát cánh với ta thực sự khi quan hệ thân sơ của ta không rõ ràng. Về ngoại giao, dĩ nhiên ta cần giao hảo thân thiết với Trung Quốc như với Nhật, với ASEAN, nhưng về chiến lược, cả lịch sử lẫn thực tế ngày nay không cho phép ta xây dựng an ninh trường kỳ trên tư tưởng trụ cột “Trung Quốc là bạn đặc biệt”. Ta không minh bạch trên điểm đó, ai sẽ tin ta? Ai sẽ liên minh chiến lược với ta để ngăn chặn kẻ mà ta vẫn nhận là “bạn đặc biệt”? Thế nhưng trên thực tế ta lại không thể minh

bạch được vì một đảng quyền lợi quốc gia đòi hỏi ta phải cảnh giác Trung Quốc, một đảng tư tưởng chính thống lại xem Trung Quốc là bạn đặc biệt. Mâu thuẫn đó phải chấm dứt thì quan hệ chiến lược mới phân minh.

Vậy ai là đồng minh chiến lược với ta? Đồng minh ở đây không có nghĩa là gia nhập vào một liên minh quân sự mà bao gồm các trường hợp những nước có cùng quan tâm chiến lược trong các quan hệ ngoại giao. Trong định nghĩa rộng đó, thực tế ngày nay cho thấy dù muốn dù không chỉ có Hoa Kỳ mới có thể trở thành đối tác chiến lược của Việt Nam trong việc thiết lập thế cân bằng lực lượng để ta giữ nước. Câu hỏi duy nhất còn có thể đặt ra là: nước Mỹ có sát cánh với ta để cùng ta bảo vệ những quyền lợi thiết thân nhất của ta? Cụ thể, nước Mỹ có thể cùng ta ngăn chặn bành trướng của Trung Quốc ở Biển Đông?

Nước Mỹ không đại gì trả lời câu hỏi đó rành rọt và công khai. Câu hỏi đó, chính ta phải trả lời, và chỉ ta mới trả lời rành rọt được mà thôi. Nếu ta làm cho người Mỹ thấy rằng quyền lợi của họ và quyền lợi của ta là một, không những chỉ trên Biển Đông mà cả trong chiến lược lâu dài của họ ở Đông Á và cả Á châu thì hai nước sẽ sát cánh với nhau. Hơn nữa, nếu ta giúp củng cố các thể chế ASEAN để vừa tăng đoàn kết và ổn định trong khu vực vừa tạo cho Mỹ cơ hội vận động nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới ủng hộ sự hiện diện của Mỹ tại Đông Nam Á thì ta lại càng thắt chặt quyền lợi của Mỹ với quyền lợi của ta hơn.

Nhưng quyền lợi mà thôi chưa đủ để xây dựng một quan hệ chiến lược bền vững, trường kỳ. Bởi vì đe dọa của Trung Quốc là trường kỳ, giải pháp đối phó cũng phải trường kỳ để quan hệ đồng minh (theo nghĩa rộng nói trên) không phải là quan hệ giai đoạn, chiến thuật. Cái gì tạo ra chất lượng cho một quan hệ chiến lược bền vững? Địa-chính trị ngày nay nói rõ: tư tưởng, văn hóa là yếu tố chiến lược cùng với vị trí địa dư. Chính thể dân chủ ở Đài Loan là yếu tố chiến lược gắn kết thêm với yếu tố quyền lợi trong quan hệ giữa Mỹ và xứ ấy. Nước Nhật quân phiệt phải dứt khoát viết lại hiến pháp để trở thành đồng minh chiến lược bền vững nhất của Mỹ trên thế giới. Do đó, cải cách thể chế theo hướng dân chủ hóa như đã trình bày ở trên ngoài mục đích tăng nội lực còn là điều kiện để mở rộng chiến lược ngoại giao.

Ai cũng biết: thực chất của ý thức hệ hiện nay ở Trung Quốc là chủ nghĩa dân tộc nước lớn. Dưới lớp áo xã hội chủ nghĩa, trái tim của Trung Quốc ra lệnh cho dân tộc họ phải trả thù nhục nhã của thế kỷ 19, nhanh chóng chiếm lĩnh địa vị đại cường, ngự trị như bá chủ trên vùng Đông Á. Làm sao ta đồng chí với họ được? Ngược lại, đó là tư tưởng mà ta phải triệt để chống như một đe dọa đè nặng trên sự sống còn của dân tộc. Tư tưởng chính trị của Việt Nam là tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng trên quan tâm duy nhất là độc lập của dân tộc. Vì độc lập, ta phải đoàn kết dân tộc, lấy đoàn kết làm tư tưởng, lấy dân tộc làm mục tiêu chứ không phải một lý thuyết nào xa lạ với thực tế mà người dân đang thấy trước mắt. Vì yếu tố tư tưởng quan trọng như vậy, chúng tôi đề nghị Việt Nam hãy dứt khoát cắt rốn tư tưởng với Trung Quốc. Ta đã có một Hồ Chí Minh đặt nền móng dân chủ cho một nước Việt Nam độc lập khác hẳn nền móng mà Mao đã đặt cho Trung Quốc năm 1954. Ta đã lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm tư tưởng chỉ đạo.

Tư tưởng độc lập đó cần phải được vun xới sâu hơn trong bối cảnh ngày nay. Cần suy nghĩ rằng: một phần lớn tư tưởng đó đã được thoát thai từ tình trạng chiến tranh, hết chiến tranh thuộc địa đến chiến tranh chia cắt trong một thế giới chia hai theo lần ranh ý thức hệ. Bây giờ nước ta không còn chiến tranh nữa, đã bắt đầu phát triển lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lại hội nhập vào một thế giới hoàn toàn đổi khác trong đó ý thức hệ tranh chấp ngày xưa đã biến mất rồi. Bối cảnh hoàn toàn đổi khác, tất nhiên tư tưởng của lãnh tụ cũng phải được hiểu theo một tinh thần mới, phải được chất lọc lại, chỗ nào là tinh túy trường kỳ, chỗ nào là chiến thuật giai đoạn, chỗ nào thích hợp cho dân chủ ngày nay, chỗ nào đã đáp ứng xong rồi những nhu cầu trong quá khứ. Toàn dân sẽ tham gia thực hiện nền móng dân chủ mà lãnh tụ đã đặt viên gạch đầu tiên từ thuở khai sinh nhà nước. Ngôi nhà sẽ xây kết hợp hài hòa tư tưởng Hồ Chí Minh với những tư tưởng dân chủ của thế giới, vạch ra một mô hình dân chủ thích hợp với hoàn cảnh hiện nay của Việt Nam. Mô hình đó cũng sẽ không chối bỏ nguyên tắc căn bản của chính thể hiện nay là “đảng lãnh đạo”. Vấn đề là phải thiết lập cho kỳ được dân chủ thật sự trong đảng và định nghĩa lại cho minh bạch thể nào là “lãnh đạo” theo ý kiến của toàn dân.

Không khó khăn gì để thể chế hóa hai vấn đề đó. Nhân dân và trí thức Việt Nam không thiếu óc sáng tạo. Thách thức là có ý muốn hay không. Từ lâu, vấn đề đã được đặt ra, nhưng chẳng bao giờ giải quyết. Thời cuộc ngày nay không cho phép trì hoãn nữa. Không những lòng tin của nhân dân có hạn mà an ninh của đất nước bắt buộc phải thế. Đe dọa từ phương Bắc buộc ta phải từ già con đường cụt trong tư tưởng. Hoặc ta không có đồng minh, hoặc có đồng minh thì phải minh bạch, không ai hứng đận cho ta nếu không tin ta.

Tất nhiên ai cũng có thể chất vấn: đồng minh (trong ý nghĩa cùng một quan tâm chiến lược) với Mỹ, ta có mất độc lập chẳng? Trong lịch sử thế giới từ sau 1945, có hai kinh nghiệm đồng minh trong đó một bên là siêu cường, một bên là nước bại trận, mất cả chủ quyền, mất cả tiềm năng kinh tế, mất cả quân đội: đó là nước Đức và nước Nhật. Cả hai nước đều trở thành cường quốc. Nước Đức liên minh chiến lược với Mỹ nhưng không mất độc lập ngoại giao với Liên Xô. Nước Nhật liên minh với Mỹ nhưng không mất độc lập ngoại giao với Trung Quốc. Quan hệ chiến lược có ảnh hưởng trên quan hệ ngoại giao, nhưng không trùng hợp. Ngay cả Hàn Quốc, liên minh với Mỹ, họ có mất độc lập ngoại giao với ai đâu?

Tại sao họ không mất? Tại vì hai lẽ. Thứ nhất, họ biết vận dụng nội lực, xây dựng ở bên trong một thể chế lành mạnh, hữu hiệu, đưa đất nước họ từ tình trạng lệ thuộc, độc tài, lên tình trạng dân chủ, cường quốc. Sức mạnh bên trong là yếu tố không thể không có để độc lập với thế giới. Chính vì vậy mà toàn thể nhân dân ta khát vọng một cải cách toàn diện để lãnh đạo cùng với toàn dân đưa đất nước lên địa vị độc lập, độc lập với Trung Quốc, dĩ nhiên, và độc lập với cả Mỹ.

Thứ hai, họ biết vận dụng thời cuộc quốc tế để không trở thành chư hầu của một cực. Hiện nay, ai cũng tưởng chừng như Mỹ và Tây Âu đang trên đà đi xuống,

Trung Quốc đang ở thế thượng phong bất khả cưỡng. Đúng vậy. Nhưng tình hình đó lại có một mặt tích cực khác cho ta mà chính ta cần phải thấy rõ: cái thế thượng phong trịch thượng, ngạo mạn, thủ đoạn của Trung Quốc hiện nay là vấn đề của cả thế giới dân chủ, hòa bình, tự do, chứ không phải riêng gì của ta. Việt Nam đang có một cái thế rất lớn, lớn hơn cả thời 1945, là đứng chung với cả thế giới đó trong một mặt trận chung. Chúng tôi nói “đồng minh” hoặc “quan tâm chiến lược” là nói trong ý nghĩa đó. Việt Nam “đồng minh” với cả thế giới đó chứ không phải với riêng ai. Việt Nam “đồng minh” với cả những lực lượng tiến bộ, dân chủ, trong lòng xã hội Trung Quốc. Vấn đề là ta có đủ quyết tâm làm như thế hay không, thế giới có xem ta như vậy hay không mà thôi. Đây là cơ hội ngàn năm một thuở, là quốc sách để cứu nước, chưa bao giờ có.

Việt Nam sẽ không bao giờ là chư hầu của ai nếu ta vận dụng được sức lực của toàn dân. Chọn dân tộc và chọn thế giới dân chủ, hòa bình, tự do, tôn trọng môi trường thì mới thoát ra được cái ách của Trung Quốc, hiện nay và mai sau.

Dĩ nhiên, dù đẩy mạnh quan hệ với Mỹ, ta vẫn coi trọng quan hệ với Trung Quốc trên nguyên tắc bình đẳng. Vì là láng giềng gần, sự giao lưu mật thiết giữa các tầng lớp dân chúng, nhất là giữa giới trí thức và lớp trẻ để tạo sự tương kính, hiểu biết nhau. Đó cũng là yếu tố góp phần gìn giữ hòa bình. Tuy nhiên, Việt Nam là nước nhỏ hơn nhiều về nhiều mặt, không thể theo phương châm “hợp tác toàn diện”, mà phải chọn lựa lĩnh vực và mức độ.

Riêng về vấn đề Biển Đông, chúng tôi có hai đề nghị: Một là, Quốc hội Việt Nam cần ra một tuyên cáo, một nghị quyết đặc biệt về Công hàm Phạm Văn Đồng năm 1958, khẳng định đó không phải là sự thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc ở Hoàng Sa và Trường Sa mà chỉ là thiện chí của Việt Nam ủng hộ Trung Quốc trong việc tranh chấp với Mỹ về an ninh ở vùng biển gần Đài Loan. Trung Quốc đã phản bội Việt Nam khi dùng công hàm đó để chủ trương chủ quyền của mình ở Hoàng Sa và Trường Sa. Tuyên cáo này vừa để thanh minh trước dư luận quốc tế vừa xóa bỏ những ngờ vực trong không ít người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng thêm tình đoàn kết dân tộc trước hiểm họa ngoại xâm. Thứ hai, trên thực tế Việt Nam không làm chủ hết cả quần đảo Trường Sa nên cần đoàn kết với Philippines, Malaysia và Brunei trong việc gìn giữ quần đảo này và chống lại Đường Lưỡi Bò của Trung Quốc. Chúng tôi đề nghị Việt Nam chủ động đưa ra đề án với ASEAN đặt tên Biển Đông nước ta (mà Trung Quốc và nhiều nước khác gọi là biển Nam Trung Hoa) là *Biển Đông Nam Á*.

E. Kết luận

Trên đây là phân tích sơ lược về thực trạng của Việt Nam và đại cương về các giải pháp nhằm cải cách toàn diện để phát triển đất nước. Những nội dung chi tiết hơn không được đề cập để tránh loãng thông tin. Tuy nhiên, qua đó cũng có thể rút ra kết luận:

Việt Nam chúng ta đang đứng trước một khúc ngoặt lịch sử. Kinh tế, văn hóa giáo dục, khoa học đều suy thoái, nền tảng đạo đức xã hội lung lay và trên nhiều

mặt ngày càng lệ thuộc vào nước láng giềng phương Bắc. Vì thế, Đảng Cộng sản Việt Nam cần làm một cuộc cách mạng mới để cứu đất nước khỏi nguy cơ này và mở ra con đường mới để dân tộc tiến nhanh về phía trước, để đất nước phát triển nhanh chóng, giàu mạnh và tự chủ. Cốt lõi của cuộc cách mạng mới là dứt khoát từ bỏ sự ràng buộc của một chủ nghĩa, một học thuyết đã không còn sức sống ở cả Việt Nam và trên thế giới. Gắn chặt với học thuyết ấy, chủ nghĩa ấy cũng làm nước ta ngày càng lệ thuộc vào quỹ đạo của phương Bắc ngày càng nặng.

Trí tuệ, khí khái, bản lĩnh và lòng yêu nước của tiền nhân ta là những bài học vô cùng phong phú, quý giá. Bây giờ là lúc phải học lại, học hơn nữa tầm nhìn chiến lược “khoan thư sức dân” của Trần Hưng Đạo, “khai dân trí, chấn dân khí” của Phan Châu Trinh, tư tưởng dân chủ, đoàn kết dân tộc và tinh thần học tập phóng khoáng của Hồ Chí Minh. Và hơn bao giờ hết chúng ta phải kế thừa khí phách Nguyễn Trãi “... Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương, tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có”.

Mong rằng với sự sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước chúng ta sẽ nhanh chóng ra khỏi thời kỳ khó khăn nghiêm trọng hiện nay và bước vào một kỷ nguyên phát triển mới./.

Đồng ký tên:

Hồ Tú Bảo, Giáo sư Tin học, Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản, Nhật Bản.

Nguyễn Tiến Dũng, Giáo sư Toán học, Đại học Toulouse, Pháp.

Trần Hữu Dũng, Giáo sư Kinh tế học, Đại học Wright State, Hoa Kỳ.

Giáp Văn Dương, Nhà nghiên cứu (Vật lý), Đại học Quốc gia Singapore.

Nguyễn Ngọc Giao, Nhà báo, nguyên Giảng viên Toán, Đại học Paris VII, Pháp.

Ngô Vĩnh Long, Giáo sư Sử học, Đại học Maine, Hoa Kỳ.

Vĩnh Sính, Giáo sư danh dự (Sử học), Đại học Alberta, Canada.

Nguyễn Minh Thọ, Giáo sư Hóa học, Đại học Leuven, Bỉ.

Trần Văn Thọ, Giáo sư Kinh tế học, Đại học Waseda, Nhật Bản.

Cao Huy Thuần, Giáo sư danh dự (Chính trị học), Đại học Picardie, Pháp.

Nguyễn Văn Tuấn, Giáo sư Y khoa, Đại học New South Wales, Úc.

Hà Dương Tường, Giáo sư danh dự (Toán học), Đại học Công nghệ Compiègne, Pháp.

Vũ Quang Việt, Chuyên gia tư vấn Thống kê Kinh tế cho Liên Hiệp Quốc, Myanmar, Philippines và Lào; nguyên chuyên viên cao cấp Liên Hiệp Quốc, Hoa Kỳ.

Phạm Xuân Yêm, Nguyên Giám đốc nghiên cứu Vật lý, Đại học Paris VI và Trung tâm Quốc gia Nghiên cứu Khoa học, Pháp.